Đ VV 142

I. V. XTA-LIN

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN-XÔ

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

3K33
NH556

I. V. XTA-LIN

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN-XÔ

(In lần thứ năm)

THƯ VIỆN
THỊ XÃ NHATRANG
142/76

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
Hà-nội — 1976

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Tác phẩm này trước đây dịch chủ yếu theo bản tiếng Pháp của Nhà xuất bản Ngoại văn, Mát-xcơ-va, 1953.

Lần xuất bản thứ 5 này, chúng tôi đối chiếu lại với bản đó và có sửa một đôi chỗ trước kia còn sai sót.

Tháng 3 năm 1976

Tặng các đồng chí
tham gia cuộc tranh luận
các vấn đề kinh tế

Ý KIẾN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ ĐỀ RA TRONG CUỘC TRANH LUẬN THÁNG MƯỜI MỘT 1951

Tôi đã nhận được hết thảy những văn kiện về cuộc tranh luận các vấn đề kinh tế nhân việc đánh giá bản dự thảo cuốn giáo khoa kinh tế chính trị học. Đặc biệt tôi đã nhận được « Những đề nghị nhằm sửa cho tốt hơn bản dự thảo cuốn giáo khoa kinh tế chính trị học », « Những đề nghị nhằm xóa bỏ các sai lầm và các điểm không chính xác » trong bản dự thảo và « Lược kê các vấn đề tranh luận ».

Đối với tất cả những tài liệu đó, cũng như đối với bản dự thảo cuốn giáo khoa, tôi thấy cần phải có những ý kiến sau đây.

1. Về tính chất của các quy luật kinh tế dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

Có một số đồng chí phủ nhận tính chất khách quan của các quy luật của khoa học, đặc biệt là các quy luật của kinh tế chính trị học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Họ không cho rằng những quy luật của kinh tế chính trị học phản ánh tính quy luật của các quá trình xảy ra một cách độc lập đối với ý chí con người. Họ cho rằng

vì lịch sử đã dành cho nhà nước xô-viết một tác dụng đặc biệt nên nhà nước xô-viết, những người lãnh đạo nó, có thể xóa bỏ được các quy luật hiện có của kinh tế chính trị học và có thể « chế định », « sáng tạo » ra những quy luật mới.

Các đồng chí ấy nhầm to. Rõ ràng là họ lẫn lộn các quy luật của khoa học là những quy luật phản ánh các quá trình khách quan trong tự nhiên và trong xã hội và tác động một cách độc lập đối với ý chí của con người, với những pháp lệnh do các chính phủ ban bố, do ý chí của con người tạo ra và chỉ có hiệu lực về mặt pháp luật mà thôi. Nhưng bất luận thế nào, cũng không được lẫn lộn như vậy.

Chủ nghĩa Mác hiểu rằng những quy luật của khoa học – dù là quy luật của tự nhiên hay quy luật của kinh tế chính trị học – đều là phản ánh của những quá trình khách quan tác động một cách độc lập đối với ý chí con người. Người ta có thể phát hiện ra, nhận thức, nghiên cứu những quy luật đó, căn cứ vào chúng trong hành động của mình, vận dụng chúng để làm lợi cho xã hội, nhưng người ta không thể thay đổi hay xóa bỏ những quy luật ấy đi được. Người ta lại càng không thể chế định hay sáng tạo ra những quy luật mới của khoa học.

Nhưng nói như thế, phải chăng có nghĩa chẳng hạn rằng những kết quả của tác dụng của các quy luật tự nhiên, của các lực lượng tự nhiên, là nói chung tuyệt đối không thể tránh được; rằng tác dụng phá hoại của những lực lượng tự nhiên đều phát sinh, mọi lúc, mọi nơi, một cách tự phát không tài nào chế ngự được và không chịu ảnh hưởng nào của con người? Đương

nhiên không phải thế. Nếu chúng ta không kể những quá trình thiên văn, địa chất và một vài quá trình tương tự, mà người ta dù có biết rõ quy luật phát triển của chúng cũng hoàn toàn bất lực không tác động gì đến chúng được, thì trong nhiều trường hợp, người ta quyết không phải là bất lực không tác động gì được đến các quá trình tự nhiên đâu. Trong tất cả những trường hợp đó, nếu người ta tìm hiểu được các quy luật tự nhiên, chú ý đến chúng, dựa vào chúng, ứng dụng chúng một cách khéo léo và lợi dụng chúng, thì có thể hạn chế được phạm vi tác động của chúng, hướng những lực lượng phá hoại của tự nhiên vào một con đường khác, bắt chúng phải phục vụ xã hội.

Chúng ta hãy lấy một trong nhiều ví dụ. Thời thượng cổ, khi nước các con sông lớn tràn ra khỏi bờ, gây ra nạn lụt, phá hoại nhà cửa và ruộng vườn, thì người ta cho đấy là một tai họa mà con người bất lực không chống lại nổi. Nhưng với thời gian, với sự phát triển của tri thức nhân loại, con người đã biết xây dựng các đập và các nhà máy thủy điện thì người ta tìm được cách tránh cho xã hội những nạn lụt mà ngày xưa người ta tưởng chừng như không thể chế ngự được. Hơn thế nữa: người ta tìm được cách chế ngự, có thể nói là thuần phục, những lực lượng phá hoại của tự nhiên, bắt sức nước phải phục vụ xã hội, lợi dụng sức nước để tưới đồng ruộng, để phát điện.

Làm được như vậy phải chăng là con người đã xóa bỏ được các quy luật của tự nhiên, các quy luật của khoa học, con người đã tạo ra được những quy luật mới của tự nhiên, những quy luật mới của khoa học? Đương nhiên không phải thế. Sự thật là toàn bộ công

cuộc ấy nhằm phòng ngừa tác dụng phá hoại của sức nước, nhằm lợi dụng sức nước để mưu lợi ích cho xã hội đã được tiến hành, nhưng tuyệt nhiên những quy luật của khoa học không bị vi phạm, thay đổi hay xóa bỏ, và không có những quy luật mới nào của khoa học được sáng tạo ra. Trái lại, toàn bộ công cuộc đó được tiến hành là nhờ dựa một cách chính xác vào những quy luật của tự nhiên, vào những quy luật của khoa học, vì nếu vi phạm như thế nào đó những quy luật của tự nhiên, nếu vi phạm một tí chút những quy luật đó thì công cuộc đó ắt bị rối loạn và thất bại.

Về các quy luật của sự phát triển kinh tế, các quy luật của kinh tế chính trị học – không kể là trong thời đại chủ nghĩa tư bản hay trong thời đại chủ nghĩa xã hội – ta cũng phải nói như vậy. Ở đây cũng thế, cũng hệt như trong các ngành khoa học tự nhiên, các quy luật của sự phát triển kinh tế là những quy luật khách quan phản ánh các quá trình phát triển kinh tế xảy ra một cách độc lập đối với ý chí con người. Người ta có thể phát hiện ra những quy luật đó, hiểu được chúng và dựa vào chúng để vận dụng chúng mà mưu lợi ích cho xã hội, hướng tác dụng phá hoại của một số quy luật vào một con đường khác, hạn chế phạm vi tác động của chúng, mở đường cho những quy luật khác đang tìm đường đi, có thể phát sinh tác dụng một cách rộng rãi, nhưng người ta không thể xóa bỏ chúng, hay tạo ra những quy luật kinh tế mới được.

Một trong những đặc điểm của kinh tế chính trị học là, khác với những quy luật của các ngành khoa học tự nhiên, những quy luật của nó không phải đời đời không thay đổi; chúng – ít ra là số lớn những quy luật đó – phát

sinh tác dụng trong một thời đại lịch sử nào đó, rồi sau, nhường chỗ cho những quy luật khác. Chúng không phải là bị xóa bỏ đâu mà là mất hiệu lực trước những điều kiện kinh tế mới và rút lui khỏi vũ đài để nhường chỗ cho những quy luật mới, những quy luật không phải là do ý chí con người tạo ra mà là xuất hiện trên cơ sở những điều kiện kinh tế mới.

Có người viện ra cuốn «Chống Đuy-rinh» của Ăng-ghen, viện ra một công thức của Ăng-ghen nói rằng chủ nghĩa tư bản bị thủ tiêu và tư liệu sản xuất được xã hội hóa sẽ khiến người ta có được quyền chi phối tư liệu sản xuất, thoát được ách khống chế của những quan hệ kinh tế và xã hội và «làm chủ» được đời sống xã hội của mình. Ăng-ghen gọi tự do ấy là «tính tất yếu đã được nhận thức». «Tính tất yếu đã được nhận thức» ấy có thể có ý nghĩa là gì? Có nghĩa là người ta, sau khi hiểu biết các quy luật khách quan («tính tất yếu»), sẽ vận dụng những quy luật ấy một cách hoàn toàn tự giác để mưu lợi ích cho xã hội. Vì vậy trong cuốn sách đó, Ăng-ghen đã nói:

«Những quy luật của hành động xã hội của con người, trước đây đối với con người, đều xa lạ và thống trị con người cũng giống như những quy luật của tự nhiên thì nay, con người đã vận dụng được chúng một cách hoàn toàn vững vàng».

Như chúng ta đều thấy, công thức của Ăng-ghen tuyệt đối không biện hộ cho những người nghĩ rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, có thể xóa bỏ được những quy luật kinh tế hiện có và tạo ra những quy luật kinh tế mới. Trái lại, công thức ấy không yêu cầu

phải xóa bỏ những quy luật kinh tế đó, mà phải nhận thức và khéo léo vận dụng chúng.

Người ta nói rằng các quy luật kinh tế mang tính chất tự phát; rằng không thể tránh khỏi tác động của những quy luật ấy; rằng xã hội hoàn toàn bất lực đối với chúng. Như vậy là không đúng. Như vậy là biến quy luật thành thần tượng, tự mình làm nô lệ cho quy luật. Sự thật đã chứng minh rằng xã hội không bất lực trước các quy luật; mà xã hội, nhờ hiểu biết các quy luật kinh tế và dựa vào chúng, có thể hạn chế phạm vi tác động của chúng, lợi dụng chúng để mưu lợi ích cho xã hội và «thuần phục» chúng, chẳng khác gì đối với các lực lượng tự nhiên và các quy luật của những lực lượng đó, như trong ví dụ kể trên về nạn lụt của các sông lớn tràn bờ.

Có người viện ra tác dụng đặc biệt của chính quyền xô-viết trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, tác dụng đã khiến cho chính quyền xô-viết xóa bỏ được những quy luật hiện có của sự phát triển kinh tế và «sáng tạo» ra những quy luật mới. Điều này cũng sai.

Có thể giải thích tác dụng đặc biệt của chính quyền xô-viết bằng hai sự việc: thứ nhất là chính quyền xô-viết không được đem thay một hình thức bóc lột này bằng một hình thức bóc lột khác, như đã xảy ra trong các cuộc cách mạng thời trước, mà phải xóa bỏ mọi sự bóc lột; thứ hai là do chỗ trong nước không có những mầm mống sẵn có của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nên chính quyền xô-viết đã phải tạo ra những hình thức kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa, có thể nói là trên một «mảnh đất trống».

Nhiệm vụ ấy chắc chắn là khó khăn và phức tạp, chưa từng có. Nhưng chính quyền xô-viết đã làm tròn nhiệm vụ ấy một cách vinh quang. Không phải vì nó đã—như người ta nói—xóa bỏ những quy luật kinh tế hiện có và «chế định» ra những quy luật mới, mà chỉ là vì nó đã dựa vào quy luật kinh tế: những quan hệ sản xuất *nhất định phải phù hợp* với tính chất của những lực lượng sản xuất. Trước kia, những lực lượng sản xuất của nước ta, đặc biệt là trong công nghiệp, có tính chất xã hội, nhưng hình thức của chế độ sở hữu lại có tính chất tư nhân, tư bản chủ nghĩa. Dựa vào quy luật quan hệ sản xuất nhất định phải phù hợp với tính chất của những lực lượng sản xuất, chính quyền xô-viết đã xã hội hóa những tư liệu sản xuất, biến những tư liệu ấy thành tài sản của toàn dân, do đấy mà xóa bỏ được chế độ bóc lột và tạo ra những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa. Không có quy luật đó và không dựa vào nó, thì chính quyền xô-viết ắt đã không thể làm tròn được nhiệm vụ của mình.

Từ lâu, quy luật kinh tế về sự nhất định phải phù hợp giữa quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất đã mở được con đường đi của nó trong các nước tư bản chủ nghĩa. Sở dĩ nó chưa đi đến cùng trên con đường đó và không được tự do phát sinh tác dụng, là vì nó gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ nhất của những lực lượng đang suy tàn trong xã hội. Ở đây, chúng ta thấy một đặc điểm khác nữa của những quy luật kinh tế. Trong khoa học tự nhiên, việc phát hiện và ứng dụng một quy luật mới được tiến hành ít nhiều thuận lợi, nhưng, trong lĩnh vực kinh tế học, thì việc phát hiện và ứng dụng một quy

luật mới đụng chạm đến lợi ích của những lực lượng đang suy tàn trong xã hội, sẽ gặp phải sự phản kháng mạnh mẽ nhất của những lực lượng đó. Vì vậy, cần phải có một lực lượng, một lực lượng xã hội có thể chiến thắng sự phản kháng đó. Trong nước ta, lực lượng đó biểu hiện dưới hình thức liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân là những người chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội. Các nước khác, các nước tư bản chủ nghĩa chưa có lực lượng đó. Điều này giải thích cho ta thấy tại sao chính quyền xô-viết đã có thể phá tan được những lực lượng cũ của xã hội, và tại sao cái quy luật kinh tế về sự nhất định phải phù hợp giữa những quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất đã được vận dụng rộng rãi như thế ở nước ta.

Có người nói rằng sự tất yếu phải phát triển một cách cân đối (có tỷ lệ) nền kinh tế của chúng ta khiến cho chính quyền xô-viết có thể xóa bỏ được những quy luật kinh tế hiện có và tạo ra những quy luật mới. Nói như vậy là hoàn toàn sai. Không được lẫn lộn các kế hoạch hàng năm và kế hoạch năm năm của chúng ta với quy luật kinh tế khách quan về sự phát triển cân đối, có tỷ lệ, của nền kinh tế quốc dân. Quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân xuất hiện đối lập với quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Nó xuất hiện trên cơ sở xã hội hóa những tư liệu sản xuất, sau khi quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ đã mất giá trị. Nó đã phát sinh tác dụng, vì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của một nước chỉ có thể thực hiện trên cơ sở quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân. Như vậy có nghĩa là quy luật phát triển cân đối

của nền kinh tế quốc dân giúp cho các cơ quan làm kế hoạch của chúng ta có *khả năng* kế hoạch hóa đúng đắn nền sản xuất xã hội. Nhưng không được lẫn lộn *khả năng* với *hiện thực*. Đây là hai cái khác nhau. Muốn biến khả năng đó thành hiện thực, chúng ta phải nghiên cứu quy luật kinh tế nói trên, làm chủ nó; phải học ứng dụng nó một cách thông thạo, phải vạch ra những kế hoạch phản ánh đầy đủ các yêu cầu của quy luật đó. Không thể nói rằng các kế hoạch hàng năm và năm năm ở nước ta đã phản ánh đầy đủ các yêu cầu của quy luật kinh tế đó rồi.

Có người nói rằng một số quy luật kinh tế, kể cả quy luật giá trị, đang phát sinh tác dụng ở nước ta, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, là những quy luật «đã được thay đổi» hay thậm chí «đã được căn bản thay đổi» trên cơ sở nền kinh tế kế hoạch hóa. Như thế cũng sai. Người ta không thể «thay đổi» được các quy luật, huống hồ là thay đổi «về căn bản». Nếu có thể thay đổi được chúng thì cũng có thể xóa bỏ được chúng, thay chúng bằng những quy luật mới. Nói «thay đổi» các quy luật là di tích của cách nói sai lầm: «xóa bỏ» và «làm ra» các quy luật. Mặc dầu ở nước ta, từ lâu người ta đã quen nói thay đổi các quy luật kinh tế, nhưng để được chính xác hơn, chúng ta bắt buộc phải bỏ cách nói đó đi. Người ta có thể hạn chế phạm vi tác dụng của những quy luật kinh tế này hay của những quy luật kinh tế khác, người ta có thể ngăn ngừa tác dụng phá hoại của chúng, nếu như tác dụng đó xảy ra, nhưng người ta không thể «thay đổi» hay «xóa bỏ» chúng được.

Vì vậy, khi nói «chinh phục» các lực lượng tự nhiên hay các lực lượng kinh tế, khi nói «khống chế» những

lực lượng đó, v. v, thì hoàn toàn không có nghĩa là nói rằng người ta có thể «xóa bỏ» hay «làm ra» các quy luật của khoa học. Trái lại, nói như thế chỉ có nghĩa là nói rằng người ta có thể phát hiện, hiểu biết, nắm vững các quy luật, học cách ứng dụng chúng một cách hoàn toàn thông thạo, vận dụng chúng để mưu lợi ích cho xã hội, do đấy mà chinh phục được chúng, bắt chúng phải chịu sự thống trị của mình.

Như vậy là, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, các quy luật của kinh tế chính trị học là những quy luật khách quan phản ánh tính quy luật của các quá trình sinh hoạt kinh tế xảy ra một cách độc lập đối với ý chí chúng ta. Phủ nhận luận điểm đó là căn bản phủ nhận khoa học, mà phủ nhận khoa học tức là phủ nhận khả năng của mọi dự kiến — như vậy là phủ nhận khả năng lãnh đạo đời sống kinh tế.

Người ta có thể nói rằng điều nói trên đây là đúng, mọi người đều biết cả rồi, không có gì mới mẻ và do đấy, nếu đem nhắc lại những chân lý ai nấy đều biết thì chỉ mất thì giờ thôi. Đành rằng điều đó không có gì là mới cả, nhưng người ta sẽ lầm nếu tưởng rằng nhắc lại một số chân lý ai nấy đều biết là mất thì giờ. Vì mỗi năm, có hàng nghìn cán bộ mới và trẻ đến với chúng ta (chúng ta là hạt nhân lãnh đạo); họ nóng lòng muốn giúp đỡ chúng ta, nóng lòng muốn phát huy tài năng, nhưng họ chưa được giáo dục đầy đủ về chủ nghĩa Mác; họ không biết nhiều chân lý mà chúng ta biết rất rõ, và họ buộc phải đi sờ soạng trong bóng tối. Họ ngạc nhiên trước những thành tựu kỳ lạ của chính quyền xô-viết, những thành công phi thường của chế độ xô-viết đã làm họ say sưa, thế là họ tưởng rằng

chính quyền xô-viết «có thể làm được tất cả», «không có gì làm cho chính quyền xô-viết lúng túng cả», chính quyền xô-viết có thể xóa bỏ các quy luật của khoa học và tạo ra những quy luật mới. Đối với những đồng chí ấy, chúng ta phải làm gì? Làm thế nào để giáo dục họ theo tinh thần chủ nghĩa Mác – Lê-nin? Tôi cho rằng nhắc lại một cách có hệ thống và giải thích kiên nhẫn cho họ hiểu những chân lý gọi là «ai nấy đều biết» là một trong những cách tốt nhất để giáo dục chủ nghĩa Mác cho các đồng chí ấy.

2. Về nền sản xuất hàng hóa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

Có vài đồng chí cho rằng sau khi đã nắm được chính quyền và quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất trong nước ta mà đảng còn duy trì nền sản xuất hàng hóa, thì như thế là sai. Họ cho rằng khi ấy, đáng lẽ đảng phải xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa đi. Họ dẫn chứng một câu của Ăng-ghen nói rằng:

«Khi xã hội đã nắm được những tư liệu sản xuất thì nền sản xuất hàng hóa chấm dứt và do đấy sự thống trị của sản phẩm đối với người sản xuất cũng chấm dứt». (Xem «Chống Đuy-rinh».)

Những đồng chí ấy nhầm to.

Chúng ta hãy phân tích công thức của Ăng-ghen. Không thể cho rằng công thức đó là hoàn toàn rõ ràng và chính xác được, vì nó không nói rõ xã hội nắm được *tất cả* những tư liệu sản xuất hay chỉ một bộ phận những tư liệu sản xuất thôi, nghĩa là không nói rõ *tất cả* những tư liệu sản xuất hay chỉ một bộ phận

được chuyển thành sở hữu của nhân dân? Vậy thì công thức *đó* của Ăng-ghen có thể hiểu hai cách.

Trong một đoạn khác của cuốn «Chống Đuy-rinh», Ăng-ghen nói đến việc chiếm hữu «*tất cả* những tư liệu sản xuất», «*toàn bộ* những tư liệu sản xuất». Vậy là trong công thức đó, Ăng-ghen không nói quốc hữu hóa một bộ phận, mà toàn bộ những tư liệu sản xuất, nghĩa là những tư liệu sản xuất không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp, đều được chuyển thành sở hữu của nhân dân.

Như vậy là Ăng-ghen muốn nói đến những nước mà chủ nghĩa tư bản và sự tập trung sản xuất đã phát triển đầy đủ không những trong công nghiệp mà cả trong nông nghiệp nữa, khiến có thể tước đoạt *hết thảy* những tư liệu sản xuất trong nước và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của nhân dân. Vậy là Ăng-ghen cho rằng trong những *nước ấy*, nên xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa song song với việc xã hội hóa *tất cả* những tư liệu sản xuất. Đương nhiên như thế là rất đúng.

Cuối thế kỷ trước, vào lúc cuốn «Chống Đuy-rinh» được xuất bản, chỉ có một mình nước Anh là nước mà, trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, chủ nghĩa tư bản đã phát triển và sản xuất đã tập trung đến một mức khiến giai cấp vô sản, khi cướp được chính quyền, có thể chuyển *hết thảy* những tư liệu sản xuất thành sở hữu của nhân dân và xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa.

Ở đây, tôi không nói đến ý nghĩa của ngoại thương đối với nước Anh và tỷ trọng to lớn của nó trong nền kinh tế quốc dân Anh. Tôi cho rằng chỉ sau khi nghiên cứu vấn đề thì người ta mới có thể quyết

định hẳn được số phận của nền sản xuất hàng hóa ở Anh, sau khi giai cấp vô sản nắm chính quyền và sau khi quốc hữu hóa *tất cả* những tư liệu sản xuất.

Vả lại, không phải chỉ vào cuối thế kỷ vừa qua, mà ngày nay cũng thế, chưa có một nước nào mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển và nền sản xuất nông nghiệp đã tập trung đến một trình độ như chúng ta thấy ở Anh. Đối với những nước khác, mặc dầu chủ nghĩa tư bản có phát triển ở nông thôn, nhưng ở đó, vẫn còn một tầng lớp khá đông đảo những người sản xuất tư hữu hạng nhỏ và hạng trung mà giai cấp vô sản, một khi lên nắm chính quyền, phải quyết định số phận của họ.

Nhưng có một vấn đề như sau: nếu trong một nước nào đó, kể cả nước ta, có những điều kiện thuận lợi cho giai cấp vô sản giành chính quyền và lật đổ chủ nghĩa tư bản; nếu trong nước đó, chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp đã tập trung những tư liệu sản xuất đến mức độ khiến người ta có thể tước đoạt và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của xã hội, nhưng mặc dầu chủ nghĩa tư bản có phát triển, nông nghiệp vẫn bị phân tán trong tay đông đảo những người sản xuất tư hữu hạng nhỏ và hạng trung đến mức không thể nào đặt được vấn đề tước quyền sở hữu của những người sản xuất đó, thì giai cấp vô sản và đảng của nó phải làm thế nào?

Công thức của Ăng-ghen không giải đáp vấn đề đó. Hơn nữa, nó cũng không có nhiệm vụ giải đáp, vì nó xuất hiện trên cơ sở một vấn đề khác, vấn đề xét xem sau khi *hết thảy* những tư liệu sản xuất đã được xã hội hóa, thì số phận của nền sản xuất hàng hóa sẽ ra sao.

2. NVĐ 142/76
THƯ VIỆN
THỊ XÃ NHATRANG

Như vậy thì làm như thế nào, nếu *không phải* tất cả, mà chỉ có một bộ phận những tư liệu sản xuất là được xã hội hóa, và nếu những điều kiện để cho giai cấp vô sản giành lấy chính quyền đã có đầy đủ, — giai cấp vô sản có nên giành lấy chính quyền không và ngay sau đó có phải xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa không?

Một số nhà mác-xít giả hiệu có ý kiến cho rằng trong những điều kiện ấy, thì nên từ bỏ việc giành lấy chính quyền và đợi cho chủ nghĩa tư bản có đủ thì giờ để làm phá sản hàng triệu người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung, biến họ thành công nhân nông nghiệp và tập trung tư liệu sản xuất trong nông nghiệp; và chỉ sau khi đó, người ta mới có thể đặt ra vấn đề giai cấp vô sản giành chính quyền và vấn đề xã hội hóa *hết thảy* tư liệu sản xuất, — đương nhiên một ý kiến như thế, ta không thể coi là một lời giải đáp được. Dĩ nhiên là những người mác-xít không thể chấp nhận được «lối giải quyết đó» nếu không muốn rơi vào nguy cơ mất hết danh dự của mình.

Có những nhà mác-xít giả hiệu khác có ý kiến cho rằng có lẽ nên giành chính quyền, tước đoạt những người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung ở nông thôn và xã hội hóa tư liệu sản xuất của họ, — ý kiến này cũng không thể xem là một câu giải đáp được. Những người mác-xít cũng không thể nào đi theo con đường dại dột và tội lỗi đó, làm cho cuộc cách mạng vô sản mất hết mọi khả năng thắng lợi và đẩy nông dân về phe kẻ thù của giai cấp vô sản trong một thời gian lâu.

THƯ VIỆN
THỊ XÃ NHA TRANG

Lê-nin đã giải đáp vấn đề này trong những trước tác của Người nói về «thuế lương thực» và trong «kế hoạch hợp tác xã» nổi tiếng của Người.

Lời giải đáp của Lê-nin tóm lại là như sau:

a) không được bỏ qua những điều kiện thuận lợi để giành lấy chính quyền; giai cấp vô sản sẽ giành lấy chính quyền chứ không dợi đến khi chủ nghĩa tư bản có khả năng làm phá sản hàng triệu những người sản xuất cá thể hạng nhỏ và hạng trung;

b) tước đoạt những tư liệu sản xuất trong công nghiệp và chuyển những tư liệu đó thành sở hữu của nhân dân;

c) đối với những người sản xuất cá thể hạng nhỏ và hạng trung, ta sẽ dần dần tập hợp họ vào trong những hợp tác xã sản xuất, nghĩa là trong những xí nghiệp nông nghiệp lớn, tức là những nông trang tập thể;

d) dùng mọi biện pháp để phát triển công nghiệp và kiến lập cho các nông trang tập thể một cơ sở kỹ thuật hiện đại, cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất lớn; không tước đoạt những nông trang tập thể mà trái lại, cung cấp cho họ nhiều máy kéo và các thứ máy tinh xảo khác;

e) để bảo đảm liên minh kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, ta sẽ duy trì, trong một thời gian, nền sản xuất hàng hóa (trao đổi bằng mua và bán), coi đó là hình thức *duy nhất có thể chấp nhận được* – đối với nông dân – của những mối liên hệ kinh tế với thành thị, và ta sẽ phát triển triệt để nền thương nghiệp xô-viết, tức là thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp hợp tác xã và thương nghiệp nông trang tập thể và loại trừ hết thảy bọn tư bản ra khỏi thương nghiệp.

Lịch sử công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở nước ta chứng tỏ rằng đường lối phát triển ấy do Lê-nin vạch ra là hoàn toàn đúng.

Không còn nghi ngờ gì nữa rằng đối với hết thảy các nước tư bản chủ nghĩa có một tầng lớp ít hay nhiều những người sản xuất hạng nhỏ và hạng trung thì đường lối phát triển đó là đường lối duy nhất có thể có được và hợp lý khiến cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Có người nói rằng trong bất cứ điều kiện nào, nền sản xuất hàng hóa dù sao cũng dẫn đến và nhất định sẽ dẫn đến chủ nghĩa tư bản. Không đúng đâu. Không phải trong bất cứ lúc nào và trong bất cứ điều kiện nào cũng đều như vậy cả. Không thể coi sản xuất hàng hóa và sản xuất tư bản chủ nghĩa là một được. Đấy là hai cái khác nhau. Sản xuất tư bản chủ nghĩa là hình thức cao của sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa chỉ dẫn đến chủ nghĩa tư bản, *nếu* chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất tồn tại, *nếu* sức lao động xuất hiện trên thị trường thành một hàng hóa mà nhà tư bản có thể mua và bóc lột trong quá trình sản xuất, *nếu* do đó, trong nước còn có chế độ bóc lột của bọn tư bản đối với công nhân làm thuê. Sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở những nơi nào mà tư liệu sản xuất tập trung trong tay tư nhân, còn công nhân không có tư liệu sản xuất thì bắt buộc phải bán sức lao động của mình như bán hàng hóa. Không thế, thì không có sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Như vậy, nếu chưa có đủ những điều kiện đó, những điều kiện biến sản xuất hàng hóa thành sản xuất tư bản chủ nghĩa, nếu tư liệu sản xuất không còn là tài sản tư nhân nữa mà là tài sản xã hội chủ nghĩa, nếu

chế độ làm thuê không tồn tại và sức lao động không còn là một hàng hóa nữa, nếu chế độ bóc lột đã bị thủ tiêu từ lâu thì làm thế nào: có thể cho rằng sản xuất hàng hóa vẫn cứ dẫn đến chủ nghĩa tư bản hay không? Tất nhiên là không. Xã hội chúng ta chính là một xã hội mà chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chế độ làm thuê và chế độ bóc lột không còn tồn tại từ lâu nay rồi.

Không thể xem sản xuất hàng hóa là một cái gì độc lập tự tại không phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế xung quanh. Sản xuất hàng hóa có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nó đã tồn tại dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và phục vụ chế độ đó, nhưng không dẫn đến chủ nghĩa tư bản. Nó đã tồn tại dưới chế độ phong kiến và phục vụ chế độ đó, nhưng vẫn không dẫn đến chủ nghĩa tư bản, tuy nó có chuẩn bị một số điều kiện cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là: tại sao nền sản xuất hàng hóa cũng lại không có thể, trong một thời gian nào đó, phục vụ xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta mà vẫn không dẫn đến chủ nghĩa tư bản, nếu chúng ta chú ý rằng nền sản xuất hàng hóa ở nước ta không được phổ biến một cách cũng vô hạn độ và rộng khắp như trong điều kiện tư bản chủ nghĩa; rằng ở nước ta, sản xuất hàng hóa bị đặt vào trong một khuôn khổ chặt chẽ là nhờ có những điều kiện kinh tế quyết định, như chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, sự xóa bỏ chế độ làm thuê và chế độ bóc lột?

Có người nói rằng sau khi chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất được thiết lập ở nước ta và chế độ làm thuê cùng chế độ bóc lột bị thủ tiêu thì sản xuất hàng hóa không còn ý nghĩa gì nữa, và do đấy phải xóa bỏ nó đi.

Nói như vậy cũng sai. Hiện nay, ở nước ta, có hai hình thức cơ bản của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa: hình thức quốc doanh, nghĩa là của toàn dân và hình thức nông trang tập thể mà chúng ta không thể gọi là của toàn dân được. Trong các xí nghiệp quốc doanh, tư liệu sản xuất và sản phẩm là tài sản của toàn dân. Trong các nông trang tập thể, mặc dầu tư liệu sản xuất (đất, máy móc) là của nhà nước, nhưng sản phẩm thu hoạch được lại thuộc quyền sở hữu của những nông trang tập thể đã xuất công và giống má; trên thực tế, các nông trang tập thể được sử dụng đất đai mà nhà nước đã vĩnh viễn giao cho họ, như sử dụng tài sản riêng của mình, tuy rằng họ không được mua bán, cho thuê hay cầm cố đất đai đó.

Vậy là nhà nước chỉ có thể chi phối sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh, còn các nông trang tập thể thì được chi phối sản phẩm của mình như chi phối tài sản riêng vậy. Nhưng các nông trang tập thể không muốn nhượng sản phẩm của họ dưới một hình thức nào khác ngoài hình thức hàng hóa, để đổi lấy những hàng hóa họ cần dùng. Hiện nay, các nông trang tập thể không nhận một hình thức liên hệ kinh tế nào khác với thành thị, ngoài hình thức trao đổi hàng hóa bằng mua và bán. Vì vậy, sản xuất và trao đổi hàng hóa hiện nay ở nước ta là một điều tất yếu, không khác gì điều tất yếu cách đây ba mươi năm, chẳng hạn khi Lê-nin tuyên bố cần thiết phải phát triển trao đổi hàng hóa bằng đủ mọi cách.

Cố nhiên, khi hai khu vực sản xuất chính, tức là khu vực quốc doanh và khu vực nông trang tập thể đã nhường chỗ cho một khu vực duy nhất bao gồm

toàn bộ sản xuất và có quyền chi phối hết thảy vật phẩm tiêu dùng trong cả nước, thì lưu thông hàng hóa, với nền « kinh tế tiền tệ » của nó, sẽ tiêu tan đi coi như một nhân tố không cần thiết của nền kinh tế quốc dân. Nhưng từ nay đến lúc đó, chừng nào mà hai khu vực sản xuất chính còn tồn tại, thì sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa vẫn được duy trì với tư cách là một nhân tố cần thiết và rất có ích trong hệ thống kinh tế quốc dân nước ta. Khu vực thống nhất đơn nhất ấy, sẽ được thiết lập như thế nào? Có phải bằng cách giản đơn là khu vực quốc doanh thu hút khu vực nông trang tập thể chăng, khó mà có thể như vậy được (vì như vậy có thể coi là tước đoạt các nông trang tập thể) hay bằng cách thiết lập một cơ quan kinh tế duy nhất *toàn dân* (với những đại biểu của công nghiệp quốc doanh và của nông trang tập thể), lúc đầu có quyền thống kê hết thảy những vật phẩm tiêu dùng trong nước, rồi sau một thời gian, có quyền phân phối sản phẩm, chẳng hạn, dưới hình thức trao đổi sản phẩm? Đó là một vấn đề khác cần nghiên cứu riêng.

Như vậy, nền sản xuất hàng hóa *của chúng ta* không phải là một nền sản xuất hàng hóa thường, mà thuộc một loại đặc biệt, một nền sản xuất hàng hóa không có bọn tư bản, và chú trọng chủ yếu đến những hàng hóa của những người sản xuất xã hội chủ nghĩa đã liên hợp lại (nhà nước, nông trang tập thể, hợp tác xã), hoạt động của nó bị hạn chế trong phạm vi những vật phẩm tiêu dùng cá nhân, và tất nhiên nó không thể phát triển thành một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa được; với nền « kinh tế tiền tệ » của nó, nó phải giúp vào sự phát triển và củng cố nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, những đồng chí có ý kiến cho rằng một khi xã hội xã hội chủ nghĩa còn duy trì các hình thức hàng hóa của nền sản xuất thì hình như ta phải lập lại ở nước ta tất cả những phạm trù kinh tế riêng của chủ nghĩa tư bản như: sức lao động coi là hàng hóa, giá trị thặng dư, tư bản, lợi nhuận của tư bản, tỷ suất bình quân của lợi nhuận, v.v., những đồng chí ấy đều hoàn toàn sai. Những đồng chí ấy lẫn lộn sản xuất hàng hóa với sản xuất tư bản chủ nghĩa và cho rằng một khi có sản xuất hàng hóa thì cũng phải có sản xuất tư bản chủ nghĩa. Họ không hiểu rằng nền sản xuất hàng hóa của chúng ta, về căn bản, khác với nền sản xuất hàng hóa dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Hơn nữa, tôi cho rằng phải từ bỏ một số khái niệm khác rút ra trong cuốn «Tư bản» (trong cuốn này, Mác phân tích chủ nghĩa tư bản) rồi đem gán ghép một cách giả tạo vào các quan hệ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong số những khái niệm đó, tôi muốn nêu ra những khái niệm như lao động «tất yếu», «lao động thặng dư», sản phẩm «tất yếu» và sản phẩm «thặng dư», thời gian «tất yếu» và thời gian «thặng dư». Mác đã phân tích chủ nghĩa tư bản nhằm xác định nguồn gốc của sự bóc lột giai cấp công nhân, giá trị thặng dư, và cung cấp cho giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất một vũ khí tinh thần để lật đổ chủ nghĩa tư bản. Rõ ràng là ở đây Mác dùng những khái niệm (phạm trù) hoàn toàn thích hợp với quan hệ tư bản chủ nghĩa. Nhưng bây giờ đây, khi mà giai cấp công nhân không phải là không có chính quyền và tư liệu sản xuất, trái lại, lại nắm chính quyền và có những tư liệu sản xuất, mà ta lại còn dùng những khái niệm đó, thì thật là kỳ quặc. Dưới chế độ chúng ta mà còn nói

sức lao động là hàng hóa, nói công nhân «bị thuê mướn» thì thật là khá chướng tai, làm như thể giai cấp vô sản nắm tư liệu sản xuất lại tự thuê mình và bán sức lao động của mình cho bản thân mình. Cũng không kém kỳ quặc nếu hiện nay còn nói lao động «tất yếu» và «lao động thặng dư»; làm như thể, trong những điều kiện nước ta, đối với một giai cấp công nhân hiện nay đã nắm chính quyền, lao động của công nhân góp cho xã hội để mở rộng sản xuất, phát triển giáo dục, y tế, tổ chức quốc phòng, v.v., lại không cần bằng lao động bỏ ra để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của công nhân và của gia đình công nhân.

Nên nhớ rằng trong cuốn «Phê phán cương lĩnh Gô-ta» của mình, trong đó Mác không phân tích chủ nghĩa tư bản nữa mà phân tích giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, Mác đã thừa nhận rằng lao động góp cho xã hội để mở rộng sản xuất, để mở mang giáo dục, y tế, kinh phí hành chính, để lập kho dự trữ, vật tư, v.v., cũng cần thiết như lao động bỏ ra để thỏa mãn các nhu cầu tiêu dùng của giai cấp công nhân.

Tôi tưởng rằng các nhà kinh tế học của chúng ta cần phải bỏ cái tình trạng không ăn nhập gì với nhau giữa những khái niệm cũ với tình hình mới trong nước xã hội chủ nghĩa chúng ta, mà đem thay thế những khái niệm cũ bằng những khái niệm thích hợp với tình hình mới.

Chúng ta có thể dung thứ tình trạng ấy đến một thời gian nhất định nào đó thôi. Nhưng bây giờ, đã đến lúc, chúng ta phải sửa chữa khuyết điểm đó.

3. Quy luật giá trị dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

Đôi khi người ta hỏi quy luật giá trị có tồn tại và phát sinh tác dụng trong nước ta, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta không.

Có, nó tồn tại và phát sinh tác dụng. Ở đâu có hàng hóa và sản xuất hàng hóa thì quy luật giá trị nhất định còn tồn tại.

Trong nước ta, phạm vi tác dụng của quy luật giá trị trước hết bao quát lĩnh vực lưu thông hàng hóa, lĩnh vực trao đổi hàng hóa bằng mua và bán, và chủ yếu là lĩnh vực trao đổi những hàng hóa tiêu dùng cá nhân. Trong lĩnh vực ấy, quy luật giá trị đương nhiên là vẫn có tác dụng điều tiết trong một chừng mực nào đó.

Tuy nhiên, tác dụng của quy luật giá trị không phải chỉ có trong phạm vi lưu thông hàng hóa, mà có cả trong sản xuất nữa. Tất nhiên là quy luật giá trị không có tác dụng điều tiết trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa chúng ta. Nhưng nó vẫn tác động đến sản xuất, và trong khi lãnh đạo sản xuất, chúng ta nhất định phải tính đến nó. Sự thật là, ở nước ta, những vật phẩm tiêu dùng cần thiết để bù vào sức lao động tiêu phí trong quá trình sản xuất, đều được sản xuất và tiêu thụ dưới hình thức những hàng hóa bị quy luật giá trị chi phối. Chính ở đây, quy luật giá trị tác động đến sản xuất. Do đấy, trong các xí nghiệp của chúng ta, hạch toán kinh tế và sự sinh lời, giá thành, giá cả, v.v., hiện nay đều có một ý nghĩa hiện thực. Vì vậy, các xí nghiệp của chúng ta không thể và không được bỏ qua quy luật giá trị.

Như vậy có tốt không? Không phải là không tốt. Trong những điều kiện hiện nay của nước ta, như thế thật ra không phải không tốt, vì điều đó làm cho những nhà lãnh đạo công nghiệp nước ta chỉ đạo sản xuất hợp lý và khiến họ có kỷ luật. Không phải không tốt, vì các nhà lãnh đạo công nghiệp nước ta nhờ đó mà biết tính toán sản lượng, tính toán sản lượng một cách chính xác, và chú ý một cách cũng chính xác đến những hiện thực của sản xuất, chứ không mất thì giờ bàn suông về những «số liệu đại khái» tưởng tượng ra. Không phải không tốt, vì các nhà lãnh đạo công nghiệp nước ta nhờ đó mà biết tìm kiếm, phát hiện, lợi dụng những lực lượng dự trữ tiềm tàng, sâu kín trong sản xuất, chứ không coi thường những lực lượng đó. Không phải không tốt, vì các nhà lãnh đạo công nghiệp nước ta nhờ đó mà biết cải tiến triệt để phương pháp sản xuất, biết hạ giá thành, thực hiện hạch toán kinh tế và khiến các xí nghiệp hoạt động có lãi. Đấy là một trường học thực tiễn tốt, nó giúp các cán bộ công nghiệp nước ta lớn lên nhanh chóng thành những người lãnh đạo chân chính của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Điều tai hại không phải là ở chỗ quy luật giá trị tác động đến sản xuất ở nước ta. Điều tai hại là các nhà lãnh đạo công nghiệp và các chuyên viên về công tác kế hoạch ở nước ta – trừ một số ít – đều hiểu sai tác dụng của quy luật giá trị, không nghiên cứu và không biết chú ý đến tác dụng đó trong khi tính toán. Đấy là nguyên nhân làm cho chính sách giá cả ở nước ta còn có hiện tượng rối ren. Sau đây là một trong nhiều ví dụ. Gần đây, vì lợi ích của ngành trồng bông, người ta quyết định điều chỉnh quan hệ giá cả

giữa bông và ngũ cốc, xác định giá ngũ cốc bán cho người trồng bông và nâng giá bông bán cho nhà nước lên. Các nhà lãnh đạo công nghiệp và các chuyên viên kế hoạch của chúng ta bèn đưa ra một đề nghị khiến Ban chấp hành trung ương đảng không thể không kinh ngạc, vì theo đề nghị ấy, thì giá một tấn ngũ cốc gần bằng giá một tấn bông; giá một tấn ngũ cốc lại bằng giá một tấn bánh mì. Khi các ủy viên Ban chấp hành trung ương chỉ ra rằng giá một tấn bánh mì phải cao hơn giá một tấn ngũ cốc, vì còn có những khoản chi phí thêm về nghiền bột và nướng bánh; rằng nói chung, bông đắt hơn ngũ cốc nhiều, — cứ xem giá bông và ngũ cốc ở thế giới sẽ rõ, — thì những người đưa ra đề nghị trên không trả lời được gì minh bạch cả. Ban chấp hành trung ương bắt buộc phải tự tay làm việc đó, phải giảm giá ngũ cốc xuống và nâng giá bông lên. Kết quả sẽ thế nào, nếu đề nghị của các đồng chí ấy có được hiệu lực về mặt pháp luật? Chúng ta sẽ làm phá sản nông dân trồng bông và sẽ không có bông.

Như vậy, phải chăng là ở nước ta, quy luật giá trị cũng tác động rộng rãi như ở dưới chế độ tư bản chủ nghĩa và có tác dụng điều tiết sản xuất? Tất nhiên là không. Sự thực là dưới chế độ kinh tế nước ta, phạm vi tác động của quy luật giá trị hết sức bị hạn chế. Chúng ta đã nói rằng dưới chế độ chúng ta, tác động của sản xuất hàng hóa bị hạn chế trong một phạm vi nhất định. Ta cũng có thể nói như vậy đối với phạm vi tác động của quy luật giá trị. Chắc chắn là ở thành thị và nông thôn mà không còn có chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nữa, ở thành thị và nông thôn mà tư liệu sản xuất đều đã được xã hội hóa, thì phạm vi tác

động của quy luật giá trị và mức độ ảnh hưởng của nó đến sản xuất không thể không bị hạn chế.

Quy luật phát triển cân đối (có tỷ lệ) cũng phát sinh tác dụng theo hướng như thế trong nền kinh tế quốc dân; quy luật này thay thế quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ.

Các kế hoạch hàng năm và năm năm của chúng ta và nói chung, toàn bộ chính sách kinh tế của chúng ta, tức là chính sách dựa vào các yêu cầu của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân, cũng đều phát sinh tác dụng theo hướng như thế.

Tất cả những điều đó khiến cho ở nước ta, tác động của quy luật giá trị bị hạn chế trong một phạm vi nhất định và dưới chế độ nước ta, quy luật giá trị không thể có tác dụng điều tiết trong sản xuất.

Điều đó chứng minh sự thực «kỳ lạ» này là ở nước ta, mặc dầu nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phát triển không ngừng và mạnh mẽ, nhưng quy luật giá trị vẫn không dẫn đến khủng hoảng thừa, trong khi đó thì ở những nước tư bản chủ nghĩa, mặc dầu sản xuất phát triển theo một tốc độ chậm, nhưng quy luật giá trị đó vốn có một phạm vi tác động rộng rãi dưới chế độ tư bản chủ nghĩa thì lại dẫn đến các cuộc khủng hoảng thừa có tính chất chu kỳ.

Có người nói rằng quy luật giá trị là một quy luật vĩnh viễn, thích dụng cho mọi giai đoạn phát triển lịch sử, rằng nếu trong giai đoạn thứ hai của xã hội cộng sản, quy luật giá trị mất tác dụng điều tiết những quan hệ trao đổi, thì trong giai đoạn phát triển đó, nó vẫn còn có tác dụng điều tiết những quan hệ giữa các

ngành sản xuất, điều tiết sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất.

Như thế là hoàn toàn sai. Giá trị, cũng như quy luật giá trị, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với sự tồn tại của sản xuất hàng hóa. Nếu sản xuất hàng hóa không còn nữa thì giá trị và các hình thức của nó, cùng với quy luật giá trị, cũng mất theo.

Trong giai đoạn thứ hai của xã hội cộng sản, số lượng lao động chi ra để chế tạo sản phẩm sẽ không còn phải tính toán bằng những phương pháp quanh co, tức là bằng giá trị và các hình thức của giá trị, như trong chế độ sản xuất hàng hóa nữa mà được tính toán trực tiếp bằng số lượng thời gian, số giờ dùng để sản xuất vật phẩm. Còn sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất thì không bị điều tiết bởi quy luật giá trị là quy luật lúc đó đã mất tác dụng rồi, mà bị điều tiết bởi sự tăng thêm nhu cầu của xã hội về vật phẩm. Đấy là một xã hội mà sản xuất sẽ do nhu cầu của xã hội điều tiết và sự thống kê các nhu cầu của xã hội sẽ có một tầm quan trọng bậc nhất đối với các cơ quan làm công tác kế hoạch.

Cũng hoàn toàn sai, nếu quả quyết rằng trong chế độ kinh tế hiện tại của nước ta, trong giai đoạn phát triển đầu của xã hội cộng sản, quy luật giá trị – như người ta nói – sẽ điều tiết những « tỷ lệ » phân phối lao động giữa các ngành sản xuất khác nhau.

Nếu đúng thế thì tại sao nước ta lại không phát triển đến cùng công nghiệp nhẹ là ngành sinh lợi nhiều nhất, hơn là phát triển công nghiệp nặng thường là ngành sinh lợi ít hơn và đôi khi lại hoàn toàn không sinh lợi ?

Nếu đúng thế thì tại sao nước ta lại không đóng cửa các xí nghiệp công nghiệp nặng hiện nay không sinh lợi, trong đó lao động của công nhân không đem lại «hiệu quả mong muốn»; và tại sao lại không mở thêm những xí nghiệp mới về công nghiệp nhẹ chắc chắn có sinh lợi, trong đó lao động của công nhân có thể đem lại «hiệu quả lớn hơn»?

Nếu đúng thế thì nước ta tại sao lại không chuyển số công nhân ở các xí nghiệp ít sinh lợi nhưng rất cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, sang các xí nghiệp sinh lợi nhiều hơn, theo đúng quy luật giá trị là quy luật gọi là điều tiết những «tỷ lệ» của sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất?

Đương nhiên, nếu đi theo các đồng chí ấy thì chúng ta phải bỏ ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất để ưu tiên chế tạo vật phẩm tiêu dùng. Bỏ ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất nghĩa là gì? Nghĩa là làm cho việc phát triển không ngừng nền kinh tế quốc dân không thể thực hiện được vì không thể nào thực hiện việc phát triển không ngừng nền kinh tế quốc dân mà đồng thời lại không thực hiện việc ưu tiên chế tạo tư liệu sản xuất.

Những đồng chí ấy quên rằng quy luật giá trị chỉ có tác dụng điều tiết sản xuất dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, khi còn tồn tại chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, khi còn cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ và khủng hoảng thừa. Họ quên rằng ở nước ta, phạm vi tác động của quy luật giá trị bị hạn chế bởi chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, bởi tác động của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân, và

do đấy nó cũng bị hạn chế bởi các kế hoạch hàng năm và năm năm của chúng ta là những kế hoạch phản ánh gần đúng các yêu cầu của quy luật đó.

Một số đồng chí do đấy kết luận rằng quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân xóa bỏ nguyên tắc sinh lợi. Như thế là hoàn toàn sai. Tình hình thực tế lại trái ngược lại. Nếu ta xét sự sinh lợi, không phải trên quan điểm các xí nghiệp hay ngành sản xuất, cũng không căn cứ vào thời gian một năm, mà trên quan điểm toàn bộ nền kinh tế quốc dân và căn cứ vào thời gian từ 10 cho đến 15 năm chẳng hạn – đấy là phương pháp duy nhất để xét vấn đề một cách đúng đắn – thì sự sinh lợi tạm thời và mong manh của các xí nghiệp hay ngành sản xuất quyết không thể đem so sánh được với hình thức cao của sự sinh lợi vững chắc và lâu dài, tức là hình thức do quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân đem lại cho chúng ta, bằng cách làm cho chúng ta tránh được các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ phá hoại nền kinh tế quốc dân và gây cho xã hội những thiệt hại vật chất rất lớn, và bằng cách bảo đảm cho chúng ta một nền kinh tế quốc dân phát triển không ngừng với một nhịp độ cao.

Tóm lại: chắc chắn là trong những điều kiện xã hội chủ nghĩa hiện nay của nền sản xuất chúng ta, quy luật giá trị không thể đóng «vai trò điều tiết những tỷ lệ» trong sự phân phối lao động giữa các ngành sản xuất khác nhau.

4. Về vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, và vấn đề thủ tiêu mọi sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay

Đề mục này liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau về thực chất, nhưng tôi vẫn tập hợp lại trong một chương, không phải để trộn lẫn những vấn đề đó với nhau, mà chỉ là để trình bày ngắn gọn hơn.

Vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, là một vấn đề ai nấy đều biết và do Mác và Ăng-ghen nêu ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập ấy là sự bóc lột nông thôn bởi thành thị, là việc tước đoạt nông dân và sự phá sản của đa số nhân dân ở nông thôn, do sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp và hệ thống tín dụng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa gây nên. Cho nên phải coi sự đối lập giữa thành thị và nông thôn dưới chế độ tư bản chủ nghĩa là một sự đối lập về quyền lợi. Chính trên cơ sở ấy, đã nảy sinh thái độ thù địch của nông thôn đối với thành thị và nói chung là đối với « dân thành thị ».

Chắc chắn rằng với việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột, với việc tăng cường chế độ xã hội chủ nghĩa trong nước ta thì sự đối lập về quyền lợi giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng phải tiêu tan đi. Thực tế đã như thế. Sự giúp đỡ có hiệu quả do thành thị xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân nước ta mang lại cho nông dân nước ta trong việc xóa bỏ giai cấp địa chủ và cu-lắc, đã củng cố cơ sở cho sự liên minh công nông; ngoài ra, việc

cung cấp một cách có hệ thống máy kéo và máy móc tinh xảo cho nông dân và cho nông trang tập thể của họ đã làm cho sự liên minh giữa công nông thành quan hệ thân thiết giữa hai bên. Đương nhiên, công nhân và nông dân nông trang tập thể vẫn là hai giai cấp khác nhau về địa vị. Nhưng sự khác nhau đó không làm giảm bớt chút nào mối tình thân thiết giữa họ với nhau. Trái lại, lợi ích của họ đứng ở cùng một vị trí: củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Cho nên không có gì là lạ nếu hiện nay không còn một tý dấu vết nào của sự nghi ngờ thuở trước, huống hồ là mối căm thù của nông thôn đối với thành thị.

Tất cả những điều ấy có nghĩa là chế độ xã hội chủ nghĩa hiện nay đã thủ tiêu cơ sở thuận lợi cho sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Cố nhiên, như thế hoàn toàn không có nghĩa là việc thủ tiêu sự đối lập giữa thành thị và nông thôn nhất định phải dẫn đến «sự suy vong của các thành thị lớn» (xem «Chống Đuy- rinh» của Ăng-ghen). Các thành thị lớn không những không bị suy vong mà nhiều thành thị lớn khác sẽ xuất hiện, những thành thị này là những trung tâm văn hóa lớn, không những là những trung tâm của nền đại công nghiệp mà còn là những trung tâm của các ngành chế biến nông sản, và của hết thảy các ngành công nghiệp thực phẩm phát triển mạnh mẽ. Tình hình đó sẽ giúp cho nền văn hóa toàn quốc được phồn vinh và làm cho điều kiện sinh hoạt ở nông thôn và ở thành thị ngang nhau.

Về vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, thì cũng tương tự như thế. Đấy cũng là một vấn đề ai nấy đều biết, do Mác và Ăng-ghen nêu ra từ lâu. Cơ sở kinh tế của sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay là sự bóc lột những người lao động chân tay bởi những người lao động trí óc. Ai nấy đều biết sự chênh lệch giữa những người lao động chân tay và những nhân viên lãnh đạo trong các xí nghiệp, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Mọi người đều biết rằng sự chênh lệch đó đã làm cho công nhân có thái độ thù địch đối với giám đốc, quản đốc, kỹ sư và những nhân viên kỹ thuật khác mà họ coi là kẻ thù của họ. Ai nấy đều hiểu rằng chủ nghĩa tư bản và chế độ bóc lột mà bị xóa bỏ thì sự đối lập về quyền lợi giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng phải tiêu tan đi. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta, sự đối lập đó đã thật sự không còn nữa. Hiện nay, những người lao động chân tay và nhân viên lãnh đạo không còn là kẻ thù đối với nhau nữa, mà là đồng chí và bạn, là thành viên của một tập thể duy nhất những người sản xuất hết sức quan tâm đến sự tiến bộ và sự cải tiến của nền sản xuất. Hiện nay, mối thù ghét ngày xưa không còn một dấu vết nào nữa.

Vấn đề xóa bỏ những sự khác nhau giữa thành thị (công nghiệp) và nông thôn (nông nghiệp), giữa lao động trí óc và lao động chân tay, hiện nay có một tính chất hoàn toàn khác. Trước đây, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác không đặt ra vấn đề đó. Đây là một vấn đề mới, do thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta đề ra.

Phải chăng vấn đề ấy là hoàn toàn do tưởng tượng mà ra? Đối với chúng ta, nó có ý nghĩa thực tiễn và lý luận gì không? Không, không thể nói rằng vấn đề ấy là hoàn toàn do tưởng tượng mà ra. Trái lại, đây là một vấn đề hết sức trọng yếu đối với chúng ta.

Nếu chúng ta xét, chẳng hạn, sự khác nhau giữa nông nghiệp và công nghiệp, thì ở nước ta, sự khác nhau đó không phải chỉ ở chỗ điều kiện lao động trong nông nghiệp khác với điều kiện lao động trong công nghiệp, mà trước hết và chủ yếu là ở chỗ trong công nghiệp của chúng ta, tư liệu sản xuất và vật phẩm đều thuộc quyền sở hữu của nhân dân; còn trong nông nghiệp thì quyền sở hữu không phải là của toàn dân mà là của một nhóm người, của nông trang tập thể. Điều đó, như chúng ta đã nói, dẫn tới chỗ duy trì sự lưu thông hàng hóa, và chỉ khi nào giữa công nghiệp và nông nghiệp không còn có sự khác nhau ấy nữa, thì nền sản xuất hàng hóa, với tất cả những hậu quả của nó, mới mất đi. Như vậy, chúng ta không thể không cho rằng việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản đó giữa nông nghiệp và công nghiệp ắt là có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Đối với việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay, cũng phải nói như vậy. Đối với chúng ta vấn đề này cũng có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Khi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa có tính chất quần chúng chưa phát triển rộng rãi, thì công nghiệp của chúng ta tiến ỳ à ỳ ạch, và có nhiều đồng chí còn nêu ra vấn đề giảm bớt tốc độ phát triển của công nghiệp. Sở dĩ có tình trạng đó, trước hết là do trình độ văn hóa và kỹ thuật của công

nhân quá thấp, kém xa trình độ của nhân viên kỹ thuật. Nhưng tình hình đã hoàn toàn thay đổi, khi phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa ở nước ta có được tính chất quần chúng. Từ đó, công nghiệp tiến bộ nhanh chóng. Vì sao phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa có được tính chất quần chúng? Vì trong công nhân, có những nhóm đồng chí không những đã nắm được một số kiến thức kỹ thuật tối thiểu, mà còn tiến vượt lên và đạt trình độ của nhân viên kỹ thuật; họ bắt đầu sửa chữa khuyết điểm của các nhân viên kỹ thuật và kỹ sư, lật đổ những chỉ tiêu hiện hành coi là đã lỗi thời, áp dụng những chỉ tiêu mới, hiện đại hơn, v.v.. Tình hình sẽ như thế nào, nếu không phải chỉ những nhóm công nhân mà đa số công nhân nâng được trình độ văn hóa và kỹ thuật của mình lên bằng các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật? Nếu thế thì công nghiệp nước ta có lẽ sẽ lên đến một trình độ cao mà công nghiệp các nước khác không tài nào với tới được. Vậy thì không nên phủ nhận rằng việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa lao động trí óc và lao động chân tay bằng cách nâng trình độ văn hóa và kỹ thuật của công nhân lên ngang trình độ của nhân viên kỹ thuật không thể không có ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng ta.

Một số đồng chí cho rằng với thời gian, thì không những sự khác nhau căn bản, mà *tất cả* những sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay đều sẽ tiêu tan đi. Như thế là sai. Việc xóa bỏ sự khác nhau căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp không thể dẫn đến chỗ xóa bỏ hết thảy mọi sự khác nhau giữa hai bên. Một sự khác nhau nào đó, mặc dầu rất nhỏ, nhất định vẫn còn tồn tại vì công

nghiệp và nông nghiệp có những điều kiện lao động khác nhau. Ngay cả trong công nghiệp, nếu chúng ta xét các ngành khác nhau của nó thì điều kiện lao động cũng không như nhau trong mọi ngành: điều kiện lao động của công nhân mỏ, chẳng hạn, khác điều kiện lao động của công nhân một xưởng đóng giày bằng máy; điều kiện lao động của công nhân khai thác quặng khác điều kiện lao động của công nhân ngành công nghiệp chế tạo máy móc. Nếu đúng như thế thì một sự khác nhau nào đó vẫn tồn tại, nhất là giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Đối với sự khác nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng phải nói như thế. Sự khác nhau căn bản giữa hai bên, về mặt trình độ văn hóa và kỹ thuật, nhất định sẽ mất đi. Nhưng một sự khác nhau nào đó, mặc dầu rất nhỏ, vẫn tồn tại, ít nhất là vì điều kiện lao động của nhân viên lãnh đạo xí nghiệp không giống hệt điều kiện lao động của công nhân.

Những đồng chí nào nói ngược lại điều đó, có lẽ đã dựa vào một công thức trong một vài lời phát biểu của tôi, trong đó có nói đến việc xóa bỏ sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, nhưng không nói rõ đấy là xóa bỏ sự khác nhau căn bản, chứ không phải tất cả mọi sự khác nhau. Chính các đồng chí ấy đã hiểu công thức của tôi như thế, cho rằng nó có nghĩa là xóa bỏ tất cả mọi sự khác nhau. Nhưng như thế có nghĩa là công thức đó không được chính xác, không được thỏa đáng. Phải vứt bỏ công thức ấy đi và thay bằng một công thức khác khẳng định việc xóa bỏ những sự khác nhau căn bản và sự tồn tại của những sự khác nhau

không căn bản giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

5. Về sự tan rã của thị trường thế giới duy nhất và tình trạng trầm trọng thêm của cuộc khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới

Kết quả kinh tế quan trọng nhất của chiến tranh thế giới lần thứ hai và những hậu quả của nó đối với nền kinh tế là sự tan rã của thị trường thế giới duy nhất, bao quát hết thảy các nước. Tình trạng ấy quyết định sự trầm trọng sau này của nạn tồng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

Bản thân trận chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng do nạn khủng hoảng đó sản sinh ra. Mỗi khối trong hai khối liên minh tư bản chủ nghĩa tham chiến đều hy vọng chiến thắng địch thủ của mình và thống trị thế giới. Chúng muốn tìm một con đường thoát nạn khủng hoảng bằng cách đó. Nước Mỹ muốn đánh bại những nước cạnh tranh nguy hiểm nhất của mình là Đức và Nhật, chiếm lấy các thị trường ngoại quốc, các nguồn nguyên liệu trên thế giới và thống trị thế giới.

Nhưng chiến tranh đã không đáp ứng nguyện vọng của nó. Quả thực là Đức và Nhật, tức là những kẻ cạnh tranh với ba nước tư bản chủ nghĩa chính: Mỹ, Anh, Pháp, đã bại trận. Nhưng về phía khác thì Trung-quốc và các nước dân chủ nhân dân ở châu Âu đã tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa, để cùng với Liên-xô họp thành một phe xã hội chủ nghĩa thống nhất và rộng lớn, đối lập với phe tư bản chủ nghĩa. Kết quả kinh tế của sự tồn tại của hai phe đối lập ấy là thị trường

duy nhất toàn thế giới bị tan rã, cho nên hiện nay chúng ta có hai thị trường thế giới tồn tại song song và đối lập với nhau.

Cần chỉ ra rằng chính Mỹ, Anh và Pháp đã góp phần – dĩ nhiên không phải chúng muốn thế – vào việc thiết lập và củng cố một thị trường thế giới mới song song. Chúng phong tỏa kinh tế Liên-xô, Trung-quốc và các nước dân chủ nhân dân châu Âu không tham gia « kế hoạch Mác-san », tưởng làm như vậy là có thể bóp chết các nước đó. Thật ra thì thị trường thế giới mới đã không bị bóp chết mà lại còn được củng cố.

Đương nhiên ở đây, điều chủ yếu không phải là ở chỗ bị phong tỏa kinh tế, mà là ở chỗ, sau chiến tranh, những nước đó đã liên hợp với nhau về mặt kinh tế và đã tổ chức sự hợp tác và tương trợ về mặt kinh tế. Kinh nghiệm của sự hợp tác đó chứng tỏ rằng không có một nước tư bản chủ nghĩa nào có thể mang lại cho các nước dân chủ nhân dân một sự giúp đỡ có hiệu quả và viện trợ kỹ thuật có giá trị như viện trợ mà các nước dân chủ nhân dân đã nhận được của Liên-xô. Vấn đề không phải chỉ ở chỗ viện trợ ấy rất ít tốn kém và tốt bậc nhất về mặt kỹ thuật. Vấn đề chủ yếu là ở chỗ: cơ sở của sự hợp tác đó là ý muốn thành khẩn giúp đỡ nhau và thực hiện sự phát triển kinh tế chung. Kết quả là các nước ấy đều phát triển theo một tốc độ cao. Người ta có thể nói chắc rằng, với một tốc độ phát triển như thế của công nghiệp thì rồi đây những nước đó sẽ không cần nhập khẩu hàng hóa của các nước tư bản chủ nghĩa nữa, mà chính họ sẽ thấy cần thiết phải bán ra nước ngoài số hàng sản xuất thừa của mình.

Nhưng do đấy, có thể kết luận được rằng phạm vi mà các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu (Mỹ, Anh, Pháp) có thể cướp đoạt tài nguyên thế giới không mở rộng ra mà lại thu hẹp lại; rằng những điều kiện về thị trường tiêu thụ thế giới của những nước đó sẽ trở thành khó khăn hơn và các xí nghiệp ở những nước đó sẽ ngày càng lâm vào tình trạng không chạy hết công suất. Cuộc tổng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới ngày càng thêm trầm trọng, do thị trường thế giới tan rã gây ra, chính là ở chỗ đó.

Các nhà tư bản hiểu rất rõ như vậy, vì khó mà không thấy thấm thía về việc mất những thị trường như Liên-xô, Trung-quốc. Chúng gắng sức giải quyết những khó khăn đó bằng kế hoạch Mác-san, chiến tranh Triều-tiên, chạy đua vũ trang và quân sự hóa nền công nghiệp. Nhưng như vậy chẳng khác gì một kẻ sắp chết đuối còn cố níu lấy một cọng rơm.

Trước tình hình đó, có hai vấn đề đặt ra cho các nhà kinh tế học:

a) Liệu người ta có thể quả quyết được rằng luận điểm mà ai nấy đều biết của Xta-lin về sự ổn định tương đối của các thị trường trong thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, luận điểm nêu ra ngay trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, vẫn luôn luôn có hiệu lực nữa chăng?

b) Liệu người ta có thể quả quyết được rằng luận điểm mà ai nấy đều biết của Lê-nin, phát biểu vào mùa xuân năm 1916, nói rằng mặc dầu bị thối nát, nhưng «đứng về toàn bộ mà nói thì chủ nghĩa tư bản vẫn phát triển vô cùng nhanh hơn trước» vẫn luôn luôn có hiệu lực nữa chăng?

Tôi cho rằng không thể quả quyết như vậy được nữa. Trước những điều kiện mới do chiến tranh thế giới lần thứ hai tạo ra, chúng ta phải xem hai luận điểm trên là đã mất hiệu lực rồi.

6. Về vấn đề không thể tránh khỏi được chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa

Một số đồng chí quả quyết rằng vì có những điều kiện quốc tế mới, sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa không phải là không thể tránh được nữa. Họ cho rằng mâu thuẫn giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa còn gay gắt hơn mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau ; rằng Mỹ đã khống chế các nước tư bản chủ nghĩa khác đến một trình độ có thể ngăn ngừa không để những nước này gây chiến tranh với nhau và làm suy yếu lẫn nhau — rằng những phần tử tiên tiến của chủ nghĩa tư bản đã lĩnh hội được khá đầy đủ những bài học kinh nghiệm của hai cuộc chiến tranh thế giới là những cuộc chiến tranh đã gây thiệt hại trầm trọng cho toàn thế giới tư bản chủ nghĩa, nên không dám lại lôi cuốn các nước tư bản chủ nghĩa vào chiến tranh giữa chúng với nhau ; rằng, do đó, chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa không còn là không thể tránh được.

Các đồng chí ấy lầm. Họ thấy những hiện tượng bên ngoài biểu hiện ra nhưng không thấy những lực lượng sâu xa, tuy tạm thời không biểu lộ rõ, nhưng không vì thế mà không quyết định tiến trình của các sự biến.

Bề ngoài thì khắp nơi đều « yên tĩnh ». Mỹ đã làm cho Tây Âu, Nhật và các nước tư bản chủ nghĩa khác chỉ vừa đủ để sống ; Đức (Tây Đức), Anh, Pháp, Ý, Nhật rơi vào nanh vuốt của Mỹ, phải ngoan ngoãn chấp

hành mệnh lệnh của Mỹ. Nhưng người ta sẽ lầm nếu cho rằng « tình trạng yên tĩnh » đó có thể kéo dài « vĩnh viễn », rằng những nước ấy sẽ mãi mãi chịu dựng ách khống chế và thống trị của Mỹ, chúng không tìm cách thoát khỏi gông cùm của Mỹ để tiến lên con đường độc lập.

Trước tiên, ta hãy xét nước Anh và nước Pháp. Chắc chắn đấy là những nước đế quốc chủ nghĩa. Chắc chắn là nguyên liệu rẻ tiền và những thị trường tiêu thụ có đảm bảo có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất đối với chúng. Liệu có thể tưởng tượng rằng chúng sẽ mãi mãi chịu đựng tình trạng hiện nay, khi mà bọn Mỹ lợi dụng « viện trợ » theo « kế hoạch Mác-san » để xâm nhập vào hệ thống kinh tế của Anh và Pháp mà nó muốn biến thành một bộ phận phụ thuộc vào nền kinh tế Mỹ ; khi mà tư bản Mỹ chiếm lấy các nguyên liệu và thị trường tiêu thụ trong các thuộc địa của Anh, Pháp, do đấy chuẩn bị làm cho các món lãi kếch sù của bọn tư bản Anh, Pháp tiêu tan ? Phải chăng muốn cho đúng hơn thì phải nói rằng nước Anh tư bản chủ nghĩa và sau đó là nước Pháp tư bản chủ nghĩa, thế nào cũng bắt buộc phải tự giải phóng khỏi vòng kiềm tỏa của Mỹ và xung đột với Mỹ để bảo đảm cho mình một địa vị độc lập và, lẽ tất nhiên cả những món lãi kếch sù ?

Bây giờ, ta nói đến những nước bại trận chính, đến Tây Đức và Nhật. Những nước này đang sống khốn khổ dưới gót sắt của đế quốc Mỹ. Công nghiệp và nông nghiệp, thương nghiệp, chính sách đối ngoại và đối nội của chúng, toàn bộ đời sống của chúng đều bị ràng buộc bởi « chế độ » chiếm đóng của Mỹ. Ấy thế mà

hôm qua đây, đó lại là những cường quốc đế quốc chủ nghĩa đã làm lay chuyển những cơ sở của nền thống trị của Anh, Mỹ và Pháp ở châu Âu và châu Á. Cho rằng các nước đó không tìm cách ngóc đầu dậy, đập tan «chế độ» của Mỹ và tiến lên con đường độc lập thì chẳng khác gì tin vào chuyện thần kỳ.

Người ta nói rằng mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội kịch liệt hơn mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau. Về lý luận thì đương nhiên là đúng. Không phải chỉ đúng bây giờ, mà cả vào đêm trước cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng đúng như thế. Những người lãnh đạo các nước tư bản chủ nghĩa cũng hiểu điều đó ít nhiều. Tuy nhiên, chiến tranh thế giới lần thứ hai không bắt đầu bằng chiến tranh chống Liên-xô mà bằng chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau. Vì sao? Trước hết là vì chiến tranh chống Liên-xô là nước của chủ nghĩa xã hội, còn nguy hiểm cho chủ nghĩa tư bản hơn là chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau. Vì chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau chỉ đặt ra vấn đề sự thống trị của những nước tư bản chủ nghĩa này đối với những nước tư bản chủ nghĩa khác, còn chiến tranh chống Liên-xô thì nhất định phải đặt ra vấn đề sống còn của chính ngay chủ nghĩa tư bản. Hai nữa là vì bọn tư bản, tuy chúng tuyên bố Liên-xô là ưa xâm lược, nhằm mục đích «tuyên truyền», nhưng chúng cũng không tin như thế, vì chúng cũng tính đến chính sách hòa bình của Liên-xô và biết rằng Liên-xô sẽ không bao giờ tự mình tiến công các nước tư bản chủ nghĩa.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, người ta cho rằng nước Đức đã vĩnh viễn bị đánh bại, cũng như

hiện nay một số đồng chí cho rằng Đức và Nhật cũng đã vĩnh viễn bị đánh bại. Lúc đó, người ta cũng đã nói và tuyên bố trong báo chí rằng Mỹ đã làm cho châu Âu chỉ vừa đủ để sống; nước Đức không thể ngóc đầu dậy được nữa và không còn có thể xảy ra chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa nữa. Nhưng mặc dầu thế, 15 đến 20 năm sau khi bại trận, Đức đã trỗi dậy thành một cường quốc lớn; nó đã thoát khỏi xiềng xích và tiến lên con đường độc lập. Điều đặc biệt là chính Anh và Mỹ đã giúp Đức phục hưng kinh tế và khôi phục lại tiềm lực kinh tế và quân sự của nó. Có lẽ là khi giúp Đức phục hưng nền kinh tế, Mỹ và Anh muốn hướng nước Đức, một khi đã trỗi dậy được, chống lại Liên-xô, dùng nước Đức đánh nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng nước Đức trước hết, đã dùng lực lượng của mình để đánh khối Anh-Pháp-Mỹ. Và khi nước Đức của Hít-le tuyên chiến với Liên-xô thì khối Anh-Pháp-Mỹ không liên minh với nước Đức của Hít-le, mà trái lại, bắt buộc phải liên minh với Liên-xô chống nước Đức của Hít-le.

Do đấy, cuộc đấu tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa để chiếm đoạt thị trường và ý muốn dìm chết kẻ cạnh tranh với mình đã thực tế tỏ ra gay gắt hơn những mâu thuẫn giữa phe tư bản chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề là: lấy gì để bảo đảm rằng Đức và Nhật sẽ không trỗi dậy được và không tìm cách thoát khỏi xiềng xích của Mỹ để bắt đầu một đời sống riêng của mình, một đời sống độc lập? Tôi cho rằng không lấy gì mà bảo đảm được như vậy.

Như vậy ta thấy rằng chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa vẫn hoàn toàn không thể tránh được.

Có người nói: phải coi luận điểm của Lê-nin cho rằng chủ nghĩa đế quốc nhất thiết phải đẻ ra chiến tranh là đã mất hiệu lực rồi vì hiện nay đã xuất hiện những lực lượng quần chúng mạnh mẽ đang bảo vệ hòa bình chống lại một cuộc chiến tranh thế giới mới. Nói như vậy là sai.

Phong trào bảo vệ hòa bình hiện nay nhằm mục đích khích lệ quần chúng nhân dân đấu tranh để duy trì hòa bình, ngăn ngừa một trận chiến tranh thế giới mới. Vì vậy, nó không nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản và thiết lập chủ nghĩa xã hội, nó chỉ nhằm những mục đích dân chủ của cuộc đấu tranh duy trì hòa bình. Về mặt này, phong trào bảo vệ hòa bình hiện nay khác với phong trào hồi chiến tranh thế giới lần thứ nhất là phong trào nhằm biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến, nên nó đi xa hơn và nhằm những mục đích xã hội chủ nghĩa.

Có thể là, nhờ hoàn cảnh thuận lợi, mà đây đó cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình tiến triển thành cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, nhưng như thế thì đó không còn là phong trào bảo vệ hòa bình hiện nay nữa, mà là một phong trào nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản.

Điều chắc chắn hơn cả là phong trào bảo vệ hòa bình hiện nay, với tư cách là một phong trào nhằm duy trì hòa bình, nếu nó thắng lợi, thì sẽ giúp vào việc ngăn ngừa một cuộc chiến tranh *mới*, tạm thời hoãn cuộc chiến tranh đó lại và tạm thời duy trì nền hòa bình *hiện nay*, làm cho chính phủ gây chiến phải từ chức và thay chính phủ đó bằng một chính phủ khác, sẵn

sàng duy trì hòa bình một cách tạm thời. Dĩ nhiên như thế là tốt. Mà còn rất tốt nữa kia. Nhưng như thế vẫn chưa đủ để căn bản thủ tiêu những cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi nói chung giữa các nước tư bản chủ nghĩa. Như thế chưa đủ vì mặc dầu tất cả những thắng lợi đó của phong trào hòa bình, chủ nghĩa đế quốc vẫn còn đó, vẫn tồn tại. Do đấy, chiến tranh vẫn hoàn toàn là không thể tránh được.

Muốn xóa bỏ tính chất không thể tránh được của chiến tranh thì phải tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

7. Về những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại và của chủ nghĩa xã hội

Ai nấy đều biết rằng vấn đề những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội đã nhiều lần được đề ra trong các cuộc thảo luận. Về vấn đề này, đã có nhiều ý kiến, thậm chí có những ý kiến kỳ cục nhất. Đúng là số đông những người tham gia cuộc thảo luận đều phản ứng lại một cách yếu ớt và cũng không có quyết định gì dứt khoát về mặt đó. Nhưng không có một người nào tham gia cuộc thảo luận lại phủ nhận sự tồn tại của những quy luật đó.

Có quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản không ? Có, có quy luật đó. Đấy là quy luật gì ? Đặc điểm của nó là gì ? Quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật quyết định không phải một mặt cá biệt hay những quá trình phát triển cá biệt của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà quyết định tất cả những mặt chính và những quá trình chính của sự phát triển đó ; vậy là quy luật đó định rõ thực chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, bản chất của nó.

Quy luật giá trị phải chăng là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản? Không. Trước hết nó là quy luật cơ bản của nền sản xuất hàng hóa. Nó đã tồn tại trước chủ nghĩa tư bản và, cũng như nền sản xuất hàng hóa, nó tiếp tục tồn tại sau khi chủ nghĩa tư bản bị lật đổ, ví dụ như ở nước ta, dĩ nhiên là tồn tại với một phạm vi tác động bị hạn chế. Đành rằng quy luật giá trị có một phạm vi tác động rộng trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, nó có một tác động lớn trong sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng nó không quyết định được thực chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và cơ sở của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa; thậm chí nó cũng không đặt ra những vấn đề ấy. Vậy, nó không thể là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Cũng vì những lý do trên, quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ, hay quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong các nước khác nhau, đều không thể là quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản được.

Có người nói rằng quy luật tỷ suất bình quân của lợi nhuận là quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Như vậy là không đúng. Chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản độc quyền, không thể thỏa mãn với tỷ suất bình quân, là tỷ suất, hơn nữa, lại có khuynh hướng giảm xuống do cấu thành hữu cơ của tư bản tăng lên. Chủ nghĩa tư bản độc quyền hiện đại không đòi lợi nhuận bình quân mà đòi lợi nhuận tối đa, cần thiết để thực hiện tái sản xuất mở rộng một cách tương đối đều đặn.

Quy luật thích hợp nhất với khái niệm quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là quy luật giá

trị thặng dư, tức là quy luật về sự phát sinh và ngày càng tăng thêm của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa. Thật vậy, quy luật đó quyết định những đặc điểm cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng quy luật giá trị thặng dư là một quy luật quá chung, nó không đề cập đến những vấn đề về tỷ suất cao của lợi nhuận, mà cái bảo đảm tỷ suất cao của lợi nhuận là điều kiện của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Để bổ sung thiếu sót đó, phải cụ thể hóa quy luật giá trị thặng dư, phát triển nó hơn nữa cho thích hợp với những điều kiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền, đồng thời phải chú ý rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền không đòi bất cứ một lợi nhận nào mà đòi lợi nhuận tối đa kia. Đấy là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Có thể nêu đại khái những đặc điểm chính và những yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại như sau: bảo đảm lợi nhuận tư bản chủ nghĩa tối đa bằng cách bóc lột, làm phá sản, bần cùng hóa đa số nhân dân trong một nước, bằng cách nô dịch và bóc lột một cách có hệ thống nhân dân các nước khác, đặc biệt là nhân dân các nước chậm tiến; cuối cùng bằng các cuộc chiến tranh và quân sự hóa nền kinh tế quốc dân để bảo đảm lợi nhuận cao nhất.

Có người nói rằng trong những điều kiện hiện nay thì lợi nhuận bình quân rất đủ cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Như thế là sai. Lợi nhuận bình quân là mức sinh lợi thấp nhất, dưới mức đó, sản xuất tư bản chủ nghĩa không có khả năng tồn tại. Nhưng thực là đáng buồn cười nếu nghĩ rằng bọn kinh doanh của chủ nghĩa tư bản độc quyền hiện đại, khi chiếm

thuộc địa, nô dịch nhân dân các nước và phát động chiến tranh, chỉ muốn thu được lợi nhuận bình quân. Không, không phải lợi nhuận bình quân, cũng không phải lợi nhuận siêu ngạch tức là thứ lợi nhuận thường chỉ nhiều hơn lợi nhuận bình quân phần nào, mà lợi nhuận tối đa mới là động lực của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chính sự cần thiết thu được lợi nhuận tối đa đã đẩy chủ nghĩa tư bản độc quyền đi đến chỗ có những hành động mạo hiểm như nô dịch và bóc lột không ngừng các thuộc địa và những nước chậm tiến khác, biến một loạt những nước độc lập thành những nước phụ thuộc, tổ chức những cuộc chiến tranh mới tức là những «chuyến buôn» tốt nhất để cho bọn kinh doanh của chủ nghĩa tư bản hiện đại kiếm được lợi nhuận tối đa ; cuối cùng là âm mưu giành bá quyền kinh tế trên thế giới.

Ý nghĩa của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là ở chỗ này: vì quy luật ấy nói lên mọi hiện tượng trọng yếu trong sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những thời kỳ thịnh vượng và khủng hoảng, những thắng lợi và thất bại, những ưu điểm và khuyết điểm của phương thức đó, – toàn bộ quá trình của sự phát triển đầy mâu thuẫn của nó, – nên quy luật ấy giúp chúng ta hiểu và giải thích được mọi hiện tượng nói trên.

Đây là một trong những ví dụ «dập vào mắt người ta» nhất.

Ai nấy đều biết những sự việc trong lịch sử và thực tiễn của chủ nghĩa tư bản chứng tỏ sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, vì các nhà tư bản lúc đó tỏ ra là những người vô địch về kỹ

thuật tiên tiến, những người cách mạng về mặt phát triển kỹ thuật. Nhưng người ta cũng biết những sự việc thuộc một loại khác chứng tỏ rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, sự phát triển của kỹ thuật đã có những lúc phải ngừng lại, vì bọn tư bản lúc đó tỏ ra là phản động đối với sự tiến bộ của kỹ thuật và thường thường chuyển sang dùng lao động thủ công.

Giải thích mâu thuẫn hiển nhiên đó như thế nào đây? Chỉ có thể giải thích mâu thuẫn đó bằng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại, nghĩa là bằng sự cần thiết phải thực hiện lợi nhuận tối đa. Chủ nghĩa tư bản tán thành kỹ thuật tiên tiến, khi kỹ thuật này hứa hẹn những món lợi nhuận lớn nhất. Nó chống lại kỹ thuật mới và chủ trương chuyển sang lao động thủ công khi kỹ thuật mới không còn hứa hẹn những món lợi nhuận lớn nhất nữa.

Đấy là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Có quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội không? Có, có quy luật đó. Những đặc điểm chủ yếu và yêu cầu của quy luật đó là gì? Có thể nêu đại khái những đặc điểm chủ yếu và yêu cầu của quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau: bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn thể xã hội, bằng cách không ngừng tăng và không ngừng hoàn thiện nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một nền kỹ thuật cao.

Do đấy: không phải là bảo đảm lợi nhuận tối đa mà là thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa của xã hội; không phải là sản xuất phát triển có những lúc ngừng lại – từ thịnh vượng đến

khủng hoảng, từ khủng hoảng đến thịnh vượng – mà là sản xuất phát triển không ngừng; không phải là kỹ thuật phát triển có những thời kỳ ngừng lại, xảy ra từng chu kỳ và gây ra sự phá hoại những lực lượng sản xuất của xã hội, mà là sản xuất được hoàn thiện không ngừng trên cơ sở một nền kỹ thuật cao.

Có người nói rằng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển cân đối, có tỷ lệ của nền kinh tế quốc dân. Như thế không đúng. Sự phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân và, do đó, việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân tức là sự phản ánh ít nhiều trung thành quy luật đó, tự chúng không thể đem lại cái gì cả, nếu người ta không biết sự phát triển có kế hoạch của nền kinh tế quốc dân là nhằm những nhiệm vụ gì, hay nếu nhiệm vụ không được rõ ràng. Quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân chỉ có thể đem lại hiệu quả mong muốn nếu sự phát triển của nền kinh tế quốc dân tiến hành theo một kế hoạch nhằm giải quyết một nhiệm vụ nhất định. Chính ngay quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân không thể đề ra nhiệm vụ ấy được. Việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân lại càng không thể đề ra được nhiệm vụ ấy. Nhiệm vụ đó nằm trong quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, dưới hình thức những yêu cầu trình bày ở trên. Cho nên, quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân chỉ có thể tác động được triệt để nếu tác động ấy dựa vào quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Còn việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân thì nó chỉ có được kết quả cụ thể nếu nó theo đúng hai điều kiện sau đây: *a*) nếu nó phản ánh đúng các yêu cầu

của quy luật phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân; *b)* nếu ở khắp nơi, nó đều chú ý đến các yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

8. Các vấn đề khác

1. Vấn đề cưỡng bức siêu kinh tế dưới chế độ phong kiến.

Đương nhiên, sự cưỡng bức siêu kinh tế đã góp phần củng cố quyền lực kinh tế của bọn phong kiến, nhưng nó không phải là cơ sở của chế độ phong kiến. Cơ sở của nó là chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến.

2. Vấn đề tài sản cá nhân của nông hộ trong nông trang tập thể.

Trong bản dự thảo sách giáo khoa, người ta đã mắc sai lầm khi nói rằng «mỗi nông hộ trong nông trang tập thể có một con bò cái, tiểu gia súc và gia cầm, thuộc quyền sử dụng cá nhân». Ai nấy đều biết rằng thực ra thì con bò cái, tiểu gia súc, gia cầm, v.v., không phải là những thứ thuộc quyền sử dụng cá nhân mà là thuộc *quyền sở hữu* cá nhân của mỗi nông hộ trong nông trang tập thể. Những tiếng «quyền sử dụng cá nhân» có lẽ là mượn ở Điều lệ mẫu của các-ten nông nghiệp. Nhưng đấy là một sai lầm trong Điều lệ mẫu đó. Hiến pháp Liên-xô, được thảo cẩn thận hơn, thì nói khác:

«Mỗi nông hộ trong nông trang tập thể ... có ở trên mảnh đất cạnh nhà, một nền kinh tế phụ, một nhà ở, gia súc để sinh sản, gia cầm và nông cụ nhỏ làm sở hữu riêng».

Dĩ nhiên như vậy là đúng.

Ngoài ra, còn phải nói tỉ mỉ hơn rằng mỗi nông trang viên tập thể được có từ một đến bao nhiêu bò cái theo điều kiện địa phương, bao nhiêu cừu, dê, lợn (cũng từ bao nhiêu đến bao nhiêu, theo điều kiện địa phương) và một số gia cầm không hạn chế (vịt, ngỗng, gà mái, gà tây), thuộc quyền sở hữu cá nhân.

Những chi tiết đó rất quan trọng đối với các đồng chí chúng ta ở nước ngoài, họ muốn biết chính xác mỗi nông hộ trong nông trang tập thể còn được giữ lại những gì làm tài sản cá nhân, sau khi tập thể hóa nông nghiệp đã được thực hiện.

3. Vấn đề địa tô nông dân phải nộp cho địa chủ và vấn đề số tiền bỏ ra để mua ruộng đất.

Trong bản dự thảo sách giáo khoa có nói rằng khi quốc hữu hóa ruộng đất thì «nông dân khỏi phải nộp cho địa chủ một số địa tô gần 500 triệu rúp mỗi năm (cần nói thêm: «rúp vàng»). Cần phải nói con số ấy cho thật đúng, vì theo tôi biết thì con số đó không phải là số địa tô trong toàn nước Nga mà là số địa tô trong một số lớn tỉnh ở Nga. Không nên quên rằng ở một vài miền biên giới Nga, nông dân nộp địa tô bằng hiện vật. Đấy là điều mà có lẽ các tác giả bản dự thảo cuốn giáo khoa không chú ý đến. Ngoài ra, không nên quên rằng nông dân không những khỏi phải nộp địa tô mà còn không mất những số tiền hàng năm bỏ ra để mua ruộng đất nữa. Người ta có chú ý điều này trong bản dự thảo sách giáo khoa không? Theo tôi thì hình như không, mà đấy chính là điều phải chú ý đến.

4. Vấn đề kết hợp các tổ chức độc quyền với cơ quan nhà nước.

Danh từ « kết hợp » dùng ở đây là không thích đáng. Danh từ này nói lên một cách nông cạn và dưới thể miêu tả sự gần gũi giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước, nhưng không nêu bật được ý nghĩa kinh tế của sự gần gũi đó, tức là sự gần gũi không những dẫn đến sự kết hợp, mà dẫn đến sự phụ thuộc của cơ quan nhà nước vào các tổ chức độc quyền. Vậy, nên vứt bỏ tiếng « kết hợp » đi, mà thay bằng : « sự phụ thuộc của cơ quan nhà nước vào các tổ chức độc quyền ».

5. Về việc sử dụng máy móc ở Liên-xô.

Trong bản dự thảo sách giáo khoa có nói : « Ở Liên-xô, trong mọi trường hợp mà máy móc tiết kiệm được lao động cho xã hội thì người ta đều dùng máy móc ». Không nên nói như thế. Trước hết, máy móc ở Liên-xô bao giờ cũng tiết kiệm được lao động cho xã hội, thành thử chúng ta không thấy có một máy nào ở Liên-xô mà lại không tiết kiệm được lao động cho xã hội. Hai nữa, máy móc không những chỉ tiết kiệm lao động mà còn làm nhẹ lao động cho con người, thành thử trong những điều kiện của nước ta, khác hẳn những điều kiện của chủ nghĩa tư bản, công nhân rất thích dùng máy móc trong lao động của họ.

Vậy phải nói rằng không ở nước nào người ta lại thích dùng máy móc như ở Liên-xô vì máy móc tiết kiệm được lao động cho xã hội và làm nhẹ công việc nặng nhọc của con người. Và vì ở Liên-xô, không có nạn thất nghiệp, nên công nhân rất thích dùng máy móc trong nền kinh tế quốc dân.

6. Về hoàn cảnh vật chất của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Khi người ta nói đến hoàn cảnh vật chất của giai cấp công nhân, người ta thường chỉ nghĩ đến những người công nhân có việc làm mà không chú ý đến hoàn cảnh vật chất của cái mà người ta gọi là đạo quân trừ bị, đạo quân những người thất nghiệp. Cái cách nói đến hoàn cảnh vật chất của giai cấp công nhân như vậy có đúng không? Tôi cho rằng không đúng. Nếu những người thất nghiệp họp thành một đạo quân trừ bị gồm những thành viên không có cách gì để sống, ngoài cách bán sức lao động của mình đi thì tất nhiên họ phải thuộc giai cấp công nhân; nhưng như vậy thì hoàn cảnh khốn cùng của họ không thể không ảnh hưởng đến hoàn cảnh vật chất của những công nhân có việc làm. Vì vậy, tôi nghĩ rằng khi nói đến hoàn cảnh vật chất của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa thì cũng phải chú ý đến hoàn cảnh của đạo quân trừ bị những người thất nghiệp.

7. Vấn đề thu nhập quốc dân.

Tôi cho rằng trong bản dự thảo sách giáo khoa, tuyệt đối phải thêm một chương mới nói về vấn đề thu nhập quốc dân.

8. Về chương đặc biệt trong sách giáo khoa nói về Lê-nin và Xta-lin, những người sáng tạo ra kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội.

Tôi cho rằng nên bỏ chương «Học thuyết mác-xít về chủ nghĩa xã hội. Lê-nin và Xta-lin sáng tạo ra khoa kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội». Chương này là hoàn toàn vô ích trong sách giáo khoa, vì nó không đem lại cái gì mới và chỉ nhắc một cách mơ hồ những điều đã được nói chi tiết hơn trong những chương trước.

Về các vấn đề khác, tôi không có ý kiến gì thêm vào những «đề nghị» của các đồng chí: Ô-xtơ-rô-vi-chi-a-nốp, Lê-ôn-chi-ép, Sê-pi-lốp, Ga-tốp-xki và các đồng chí khác.

9. Ý nghĩa quốc tế của cuốn sách giáo khoa mác-xít về kinh tế chính trị học

Tôi cho rằng các đồng chí không chú ý đầy đủ đến ý nghĩa của một cuốn sách giáo khoa mác-xít về kinh tế chính trị học. Cuốn sách đó không phải chỉ cần thiết cho thanh niên Liên-xô chúng ta. Nó còn đặc biệt cần thiết cho những người cộng sản ở tất cả các nước và cho những người có cảm tình với họ. Các đồng chí chúng ta ở nước ngoài muốn biết chúng ta đã làm thế nào để lật đổ ách tư bản, để cải tổ nền kinh tế trong nước theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội, để gây quan hệ thân thiết với nông dân; họ muốn biết chúng ta đã làm thế nào để biến một nước mới hôm qua còn khốn cùng và yếu ngày nay thành giàu, mạnh; họ muốn biết nông trang tập thể là gì, tại sao đã xã hội hóa tư liệu sản xuất rồi mà chúng ta vẫn duy trì nền sản xuất hàng hóa, tiền, thương nghiệp v.v.. Họ muốn biết tất cả những điều đó và nhiều điều khác nữa, không phải vì hiếu kỳ, mà để học hỏi chúng ta và vận dụng kinh nghiệm của chúng ta trong nước họ. Vì vậy, xuất bản một cuốn sách giáo khoa kinh tế chính trị học mác-xít tốt thì không những quan trọng đối với trong nước mà còn có một ý nghĩa quốc tế lớn lao nữa.

Vì vậy, phải có một cuốn sách giáo khoa có thể dùng làm sách gối đầu giường cho thanh niên cách mạng không những ở trong nước mà cả ở ngoài nước nữa. Sách đừng dầy quá, nếu không thì không thành sách gối đầu giường nữa, và người ta sẽ khó mà hiểu, mà đọc hết được. Nhưng nó phải có đủ tất cả những vấn đề chủ yếu liên quan đến nền kinh tế nước ta, cũng như nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản và của hệ thống thuộc địa.

Một số đồng chí, trong quá trình các cuộc tranh luận, đã đề nghị thêm vào cuốn sách giáo khoa nhiều chương mới nữa; các nhà sử học thì muốn thêm về mặt lịch sử; các nhà chính trị thì thêm về mặt chính trị; các nhà triết học thì thêm về mặt triết học; các nhà kinh tế thì thêm về mặt kinh tế học. Nhưng như vậy thì cuốn sách sẽ dày vô cùng. Tất nhiên, không nên làm như vậy. Cuốn giáo khoa dùng phương pháp lịch sử để minh họa các vấn đề kinh tế chính trị học, nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta phải biến cuốn giáo khoa kinh tế chính trị học thành một cuốn lịch sử những quan hệ kinh tế.

Chúng ta cần một cuốn sách nhiều nhất là 500 hay 600 trang. Đây sẽ là một cuốn sách gối đầu giường về kinh tế chính trị học mác xít, một món quà quý tặng những thanh niên cộng sản của hết thảy các nước.

Vả lại, vì trình độ lý luận mác-xít không đầy đủ của đa số các đảng cộng sản ở các nước ngoài, nên cuốn sách này cũng có thể rất hữu ích cho những cán bộ cộng sản đã lớn tuổi ở các nước ấy.

10. Những biện pháp để sửa cho tốt hơn bản dự thảo cuốn sách giáo khoa kinh tế chính trị học

Một số đồng chí, trong quá trình cuộc tranh luận, đã quá sốt sắng «bài bác» bản dự thảo cuốn sách, họ phê phán khuyết điểm và thiếu sót của các tác giả bản dự thảo và khẳng định rằng bản dự thảo đó đã thất bại. Như thế không đúng. Đương nhiên, cuốn sách có những sai lầm và thiếu sót — trong một công việc lớn nào cũng đều có sai lầm và thiếu sót cả. Nhưng dù sao, tuyệt đại đa số những người tham gia cuộc thảo luận đều thừa nhận rằng bản dự thảo có thể dùng làm cơ sở cho cuốn sách giáo khoa sau này và chỉ cần sửa một vài chỗ và thêm một vài đoạn thôi. Thật vậy, chỉ cần so sánh bản dự thảo với các cuốn sách giáo khoa kinh tế chính trị học hiện bán ở các hiệu sách thì có thể kết luận rằng bản dự thảo hơn hẳn những cuốn sách đó. Đấy là một thành tích lớn của các tác giả bản dự thảo đó.

Tôi cho rằng muốn sửa nó cho tốt hơn, thì phải lập ra một ban gồm một số ít người, không những gồm các tác giả bản dự thảo và những người tán thành ý kiến của đa số trong cuộc thảo luận, mà cả những người phản đối ý kiến của đa số, những người đã phê phán kịch liệt bản dự thảo cuốn sách.

Cần mời vào ban một nhà thống kê thành thạo để kiểm tra lại số liệu, thêm vào bản dự thảo những số liệu thống kê mới; và một nhà luật học có kinh nghiệm để soát lại các công thức cho được chính xác.

Phải tạm thời miễn mọi công tác khác cho các ủy viên của ban, cung cấp cho họ đầy đủ về mặt vật chất, để họ có thể dành hết tâm trí vào công việc đó.

Ngoài ra, còn phải lập một ban biên tập, gồm ba người chẳng hạn, có nhiệm vụ hoàn chỉnh lần cuối cùng cuốn sách giáo khoa. Như thế là cần thiết để thực hiện sự thống nhất lối hành văn, điều này tiếc thay bản dự thảo hoàn toàn không có được.

Thời hạn hoàn chỉnh cuốn giáo khoa để trình lên Ban chấp hành trung ương là : một năm.

I. V. XTA-LIN

1 tháng hai 1952.

TRẢ LỜI ĐỒNG CHÍ A-LẾCH-XAN-ĐRƠ I-LÍCH NỐT-KIN

Đồng chí Nốt-kin,

Tôi chậm trả lời đồng chí, vì thấy những vấn đề do đồng chí đề ra là không cấp thiết. Hơn nữa, có những vấn đề cấp thiết khác, dĩ nhiên làm tôi chú ý và gác thư đồng chí lại.

Tôi xin trả lời từng điểm:

Điểm thứ nhất.

Trong tập «Ý kiến» của tôi có luận điểm nói rằng xã hội không bất lực trước các quy luật của khoa học, rằng người ta, khi nhận thức được các quy luật kinh tế, thì có thể lợi dụng những quy luật đó để mưu lợi ích cho xã hội. Đồng chí cho rằng luận điểm đó không thể đem áp dụng rộng ra cho các hình thái xã hội khác, nó chỉ có hiệu lực đối với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản; rằng tính tự phát của các quá trình kinh tế dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chẳng hạn, không cho phép xã hội lợi dụng những quy luật kinh tế để mưu lợi ích cho mình.

Như thế là sai. Dưới cách mạng tư sản, ví dụ như ở Pháp, giai cấp tư sản đã lợi dụng quy luật về sự phù

hợp tất yếu giữa những quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất để chống lại chế độ phong kiến; nó đã lật đổ những quan hệ sản xuất phong kiến và tạo ra những quan hệ sản xuất mới, tư sản và khiến cho những quan hệ này thích hợp với tính chất của những lực lượng sản xuất hình thành trong lòng chế độ phong kiến. Giai cấp tư sản làm việc đó, không phải vì nó có bản lĩnh gì đặc biệt, mà vì đấy là lợi ích thiết thân của nó. Bọn phong kiến chống lại việc đó, không phải vì chúng ngu xuẩn mà vì lợi ích thiết thân của chúng là cản trở việc thực hiện quy luật đó.

Chúng ta cũng phải nói như vậy đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Giai cấp công nhân đã lợi dụng quy luật về sự phù hợp tất yếu giữa những quan hệ sản xuất và tính chất của những lực lượng sản xuất, nó đã lật đổ những quan hệ sản xuất tư sản, tạo ra những quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, và khiến cho những quan hệ này thích hợp với tính chất của những lực lượng sản xuất. Nó làm được việc đó, không phải vì nó có bản lĩnh gì đặc biệt mà vì đấy là lợi ích thiết thân của nó. Giai cấp tư sản, từ một lực lượng tiền phong lúc mở đầu cuộc cách mạng tư sản, đã có thời gian để biến thành một lực lượng phản cách mạng, nó tìm mọi cách chống lại sự thực hiện quy luật ấy, nó chống lại không phải vì nó thiếu tính tổ chức, cũng không phải vì tính tự phát của các quá trình kinh tế thúc nó phải chống lại, mà chủ yếu là do lợi ích thiết thân của nó nên nó chống lại sự thực hiện quy luật ấy.

Do đó:

1. Việc lợi dụng các quá trình kinh tế, các quy luật kinh tế để mưu lợi ích cho xã hội, được tiến hành, đến

một mức to lớn nào đó, không những dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản, mà còn dưới những hình thái xã hội khác nữa;

2. Trong xã hội có giai cấp thì bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc lợi dụng các quy luật kinh tế đều có những động cơ giai cấp của nó và kẻ đề xướng ra việc lợi dụng những quy luật kinh tế để mưu lợi ích cho xã hội, thì ở đâu và lúc nào cũng là giai cấp tiền phong, còn những giai cấp đang suy tàn thì chống lại việc lợi dụng đó.

Ở đây, giữa giai cấp vô sản một bên và bên kia, là những giai cấp khác, trước kia, trong quá trình lịch sử, đã hoàn thành những cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, thì sự khác nhau là ở chỗ lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản thống nhất với lợi ích của tuyệt đại đa số người trong xã hội, vì cách mạng của giai cấp vô sản không có nghĩa là xóa bỏ hình thức bóc lột này hay hình thức bóc lột khác, mà là xóa bỏ mọi sự bóc lột; còn những cuộc cách mạng của các giai cấp khác, khi xóa bỏ những hình thức bóc lột này hay hình thức bóc lột kia, thì lại không vượt khỏi những lợi ích giai cấp hẹp hòi của họ vốn đã mâu thuẫn với những lợi ích của đại đa số trong xã hội.

Tập «Ý kiến» nói đến những động cơ giai cấp làm cho các quy luật kinh tế được lợi dụng để mưu lợi ích cho xã hội. Trong tập đó, có nói: «Trong khoa học tự nhiên, việc phát hiện và ứng dụng một quy luật được tiến hành ít hay nhiều thuận lợi, trái lại, trong lĩnh vực kinh tế học việc phát hiện và ứng dụng một quy luật mới, đụng chạm đến lợi ích của những lực lượng đang suy tàn trong xã hội, sẽ gặp phải sự phản kháng

mạnh mẽ nhất của những lực lượng đó». Nhưng đồng chí không chú ý gì đến đoạn ấy cả.

Điểm thứ hai.

Đồng chí cho rằng sự phù hợp hoàn toàn giữa những quan hệ sản suất với tính chất của những lực lượng sản xuất chỉ có thể có được dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản; còn dưới các hình thái xã hội khác chỉ có thể thực hiện được một sự phù hợp không hoàn toàn thôi.

Như thế là sai. Trong thời kỳ sau cuộc cách mạng tư sản, khi giai cấp tư sản đã phá tan những quan hệ sản xuất phong kiến và thiết lập những quan hệ sản xuất tư sản thì nhất định đã có những thời kỳ mà những quan hệ sản xuất tư sản phù hợp hoàn toàn với tính chất của những lực lượng sản xuất. Nếu không thì chủ nghĩa tư bản đã không có thể phát triển nhanh chóng như nó đã phát triển sau cuộc cách mạng tư sản.

Sau nữa, chúng ta không nên hiểu những tiếng «phù hợp hoàn toàn» theo một nghĩa tuyệt đối. Không thể hiểu theo ý nghĩa là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, những quan hệ sản xuất không lạc hậu một chút nào so với sự phát triển của những lực lượng sản xuất. Những lực lượng sản xuất là những lực lượng hoạt động nhất và cách mạng nhất của sản xuất. Nhất định chúng sẽ đi trước những quan hệ sản xuất, ngay cả dưới chế độ xã hội chủ nghĩa nữa. Chỉ sau một thời gian nào đó thì những quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất của những lực lượng sản xuất.

Như vậy thì phải hiểu những tiếng «phù hợp hoàn toàn» như thế nào? Phải hiểu như thế này: nói chung, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tình hình không đưa

đến xung đột giữa những quan hệ sản xuất và những lực lượng sản xuất; xã hội có khả năng kịp thời bảo đảm sự phù hợp giữa những quan hệ sản xuất chậm tiến với tính chất của những lực lượng sản xuất. Xã hội xã hội chủ nghĩa có thể làm được như thế, vì trong lòng nó, không có những giai cấp đang suy tàn có thể tổ chức chống lại. Đương nhiên, ngay dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cũng có những lực lượng trì trệ lạc hậu, không hiểu được sự cần thiết phải thay đổi những quan hệ sản xuất, nhưng dĩ nhiên là cũng dễ dàng khắc phục những lực lượng ấy mà không đến nỗi xảy ra xung đột.

Điểm thứ ba.

Theo lập luận của đồng chí thì đồng chí coi những tư liệu sản xuất và trước hết là coi công cụ sản xuất do các xí nghiệp quốc hữu hóa ở nước ta chế tạo ra, là hàng hóa.

Liệu có thể coi tư liệu sản xuất dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta là hàng hóa được không? Theo tôi thì tuyệt đối không thể được.

Hàng hóa là một sản phẩm chế tạo ra, ai mua cũng bán, khi bán đi, người sở hữu hàng hóa mất quyền sở hữu, còn người mua trở thành người sở hữu hàng hóa; người đó có thể đem bán lại, đem cầm cố hay để mục nát đi. Định nghĩa đó có thích hợp với tư liệu sản xuất không? Rõ ràng là không. Trước hết là tư liệu sản xuất không phải để «bán» cho bất cứ ai muốn mua; không «bán» cho cả nông trang tập thể nữa. Nhà nước chỉ phân phối tư liệu sản xuất cho các xí nghiệp của mình. Thứ hai là người sở hữu tư liệu sản xuất, tức là nhà nước, khi giao tư liệu sản xuất cho một xí nghiệp

nào đó, thì hoàn toàn không mất quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất đó, mà trái lại vẫn giữ nguyên vẹn quyền sở hữu của mình. Thứ ba là các giám đốc xí nghiệp, là những người nhận tư liệu sản xuất của nhà nước giao cho, không những không trở thành người sở hữu tư liệu sản xuất đó mà trái lại, là những người được nhà nước xô-viết ủy quyền cho sử dụng các tư liệu sản xuất đó theo đúng kế hoạch do nhà nước quy định.

Như chúng ta thấy, dưới chế độ chúng ta, tuyệt đối không thể nào liệt tư liệu sản xuất vào loại hàng hóa được.

Vậy thì tại sao người ta lại nói đến giá trị, giá thành, giá bán, v.v., của tư liệu sản xuất.

Có hai lý do.

Thứ nhất, như vậy là cần thiết để tính toán, để thanh toán, để tính lỗ lãi của xí nghiệp, để kiểm tra và giám sát các xí nghiệp. Nhưng đấy chỉ là mặt hình thức của vấn đề.

Thứ hai, như thế là cần thiết để có thể, vì lợi ích của ngoại thương, bán tư liệu sản xuất cho các nước ngoài. Ở đây, trong lĩnh vực ngoại thương, mà *chỉ trong lĩnh vực này thôi*, tư liệu sản xuất của chúng ta mới thật sự là hàng hóa, mới thật sự được đem bán đi (không cần có ngoặc kép).

Như vậy là trong lĩnh vực ngoại thương, tư liệu sản xuất do xí nghiệp chúng ta chế tạo ra vẫn còn có những đặc tính của hàng hóa, cả về bản chất lẫn hình thức, nhưng trong lưu thông hàng hóa ở nội địa, thì tư liệu sản xuất mất những đặc tính của hàng hóa, không còn

là hàng hóa nữa, ra khỏi phạm vi tác động của quy luật giá trị và chỉ giữ cái bề ngoài của hàng hóa thôi[1] (tính toán, v.v.).

Giải thích tình hình đặc biệt đó như thế nào?

Chính là vì trong điều kiện xã hội chủ nghĩa nước ta, nền kinh tế phát triển không phải bằng những đột biến, mà bằng những cải biến từng bước, khi cái cũ không phải chỉ bị xóa bỏ, nó thay đổi tính chất để thích hợp với cái mới và chỉ giữ lại hình thức của nó mà thôi; còn cái mới thì không phải chỉ thủ tiêu cái cũ, nó thâm nhập vào cái cũ, thay đổi tính chất và chức năng của cái cũ chứ không phá vỡ hình thức của cái cũ nhưng lại dùng hình thức đó để phát triển cái mới. Đấy không những là trường hợp của hàng hóa mà cả của tiền tệ trong lưu thông kinh tế ở nước ta nữa, đấy cũng là trường hợp các ngân hàng là những cơ quan khi mất chức năng cũ và có chức năng mới, lại vẫn giữ hình thức cũ là hình thức được chế độ xã hội chủ nghĩa sử dụng.

Nếu xét vấn đề trên quan điểm hình thức, trên quan điểm các quá trình biểu hiện ở mặt ngoài của những sự biến thì chúng ta sẽ đi đến kết luận sai lầm rằng các phạm trù của chủ nghĩa tư bản tựa hồ như vẫn còn có hiệu lực trong nền kinh tế nước ta. Nhưng nếu chúng ta phân tích vấn đề theo quan điểm mác-xít là quan điểm phân biệt tách bạch nội dung và hình thức của quá trình kinh tế, phân biệt quá trình phát triển sâu xa với những hiện tượng mặt ngoài thì chỉ có thể đi đến kết luận duy nhất đúng này là ở nước ta những phạm trù cũ của chủ nghĩa tư bản thì chủ yếu chỉ còn giữ lại hình thức, mặt ngoài; về thực chất, những phạm

không có công cụ sản xuất thì không thể sản xuất ra một nguyên liệu nào cả.

Sau nữa, tác động của quy luật giá trị đối với giá cả các nguyên liệu nông nghiệp có phải là một tác dụng *điều tiết* như đồng chí quả quyết hay không, đồng chí Nốt-kin ? Nó sẽ là một tác dụng điều tiết, nếu giá cả các nguyên liệu nông nghiệp lên xuống « tự do » ở nước ta, nếu quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ vẫn tác động ở nước ta, nếu chúng ta không có nền kinh tế kế hoạch hóa, nếu không có một kế hoạch điều tiết việc sản xuất nguyên liệu. Nhưng vì trong hệ thống nền kinh tế quốc dân chúng ta, không có tất cả những cái « nếu » đó, nên quy luật giá trị hoàn toàn không thể có các dụng điều tiết gì đối với giá cả những nguyên liệu nông nghiệp. Thứ nhất, ở nước ta, nguyên liệu nông nghiệp có một giá cả ổn định, do một kế hoạch ấn định, chứ không phải là giá cả « tự do ». Thứ hai, khối lượng sản xuất nguyên liệu nông nghiệp không phải là được quy định một cách tự phát, cũng không phải do những yếu tố ngẫu nhiên quy định mà do kế hoạch quy định. Thứ ba, những công cụ sản xuất cần thiết cho việc sản xuất ra nguyên liệu nông nghiệp không tập trung trong tay cá nhân, hay tập đoàn cá nhân mà trong tay nhà nước. Thế thì liệu tác dụng điều tiết của quy luật giá trị còn lại được gì nữa ? Kết quả là bản thân quy luật giá trị cũng bị điều tiết bởi những sự việc nói trên, những sự việc gắn liền với sản xuất xã hội chủ nghĩa mới có.

Vì vậy, không thể cho rằng quy luật giá trị có ảnh hưởng đến việc hình thành giá cả của các nguyên liệu

nông nghiệp, rằng nó là một trong những nhân tố quyết định giá cả đó. Lại càng không thể không cho rằng tác dụng đó không phải và không thể là một tác dụng điều tiết.

Điểm thứ năm.

Khi nói đến sự sinh lợi của nền kinh tế quốc dân, của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong tập «Ý kiến», tôi có bác ý kiến của một số đồng chí cho rằng vì nền kinh tế quốc dân kế hoạch hóa của nước ta đã không coi trọng những xí nghiệp sinh lợi, và bên cạnh những xí nghiệp sinh lợi, lại dung nạp những xí nghiệp không sinh lợi, thì như thế tựa hồ như nền kinh tế chúng ta đã thủ tiêu ngay cả nguyên tắc sinh lợi trong kinh tế. Trong tập «Ý kiến» của tôi có nói, sự sinh lợi của các xí nghiệp và ngành sản xuất không thể đem so sánh được với sự sinh lợi cao hơn do nền sản xuất xã hội chủ nghĩa đem lại cho chúng ta, vì nền sản xuất xã hội chủ nghĩa tránh cho chúng ta những cuộc khủng hoảng sản xuất thừa và bảo đảm cho nền sản xuất của chúng ta phát triển không ngừng.

Nhưng nếu do đấy mà kết luận rằng sự sinh lợi của những xí nghiệp và ngành sản xuất không có giá trị đặc biệt và không đáng được chú ý đến, thì không đúng. Đương nhiên, như thế là sai. Sự sinh lợi của các xí nghiệp và ngành sản xuất có một ý nghĩa lớn lao đối với sự phát triển của nền sản xuất chúng ta. Phải chú ý đến nó, khi đặt kế hoạch kiến thiết cũng như đặt kế hoạch sản xuất. Đấy là những điều thường thức về hoạt động kinh tế của chúng ta trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Điểm thứ sáu.

Người ta không biết đúng ra nên hiểu như thế nào câu nói của đồng chí về chủ nghĩa tư bản: «nền sản xuất mở rộng dưới một hình thức bị biến dạng đi rất nhiều». Những nền sản xuất như vậy và, hơn nữa, lại còn được mở rộng đều không có trên thực tế.

Hiển nhiên là từ khi thị trường thế giới đã phân ra và phạm vi bóc lột tài nguyên thế giới của các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu (Mỹ, Anh, Pháp) đã bắt đầu thu hẹp lại, thì tính chu kỳ của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản – sản xuất tăng lên và giảm xuống – nhất định vẫn phải tồn tại. Nhưng sản xuất trong những nước đó tăng lên trên một cơ sở hẹp vì khối lượng sản xuất ngày càng giảm sút trong những nước đó.

Điểm thứ bảy.

Cuộc tổng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới đã bắt đầu trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đặc biệt vì Liên-xô đã tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa. Đấy là giai đoạn đầu của cuộc tổng khủng hoảng. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, giai đoạn thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng phát triển, đặc biệt sau khi các nước dân chủ nhân dân ở châu Âu và châu Á tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa. Không được coi cuộc khủng hoảng thứ nhất trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất và cuộc khủng hoảng thứ hai trong chiến tranh thế giới lần thứ hai là những cuộc khủng hoảng riêng biệt, độc lập đối với nhau, tách rời nhau, mà phải coi đó là những giai đoạn phát triển của cuộc tổng khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.

Cuộc tổng khủng hoảng đó của chủ nghĩa tư bản thế giới phải chăng là một cuộc khủng hoảng chỉ thuần túy chính trị hay chỉ thuần túy kinh tế? Không phải chỉ thuần túy chính trị, cũng không phải chỉ thuần túy kinh tế. Đấy là một cuộc tổng khủng hoảng, nghĩa là một cuộc khủng hoảng dụng đến tất cả các mặt của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, bao quát cả kinh tế lẫn chính trị. Rõ ràng là cơ sở của cuộc khủng hoảng đó một mặt là sự tan rã ngày càng trầm trọng của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, mặt khác là thực lực kinh tế ngày càng lớn mạnh của những nước đã tách khỏi chủ nghĩa tư bản: Liên-xô, Trung-quốc và những nước dân chủ nhân dân khác.

I. V. XTA-LIN

21 tháng tư 1952.

NHỮNG SAI LẦM CỦA ĐỒNG CHÍ L. Đ. I-A-RÔ-SEN-CÔ

Gần đây, đồng chí I-a-rô-sen-cô có gửi cho các ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô một bức thư đề ngày 20 tháng ba, nói về một số vấn đề kinh tế được bàn đến trong cuộc thảo luận tháng mười một mà ai nấy đều biết. Tác giả bức thư phàn nàn là cả những văn kiện tổng kết chủ yếu của cuộc thảo luận, lẫn tập «Ý kiến» của đồng chí Xta-lin «đều không nhắc gì đến quan điểm» của đồng chí I-a-rô-sen-cô. Trong kiến nghị của mình, đồng chí I-a-rô-sen-cô còn đề nghị cho phép đồng chí viết một cuốn «Kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa» trong thời hạn một năm hay 18 tháng và cho đồng chí hai người giúp việc để làm công tác đó.

Tôi nghĩ rằng phải xét về căn bản những lời phàn nàn và đề nghị của đồng chí I-a-rô-sen-cô.

Chúng ta hãy bắt đầu xét những lời phàn nàn đó.

Vậy thì «quan điểm» của đồng chí I-a-rô-sen-cô mà những tài liệu nói trên không chú ý đến, là quan điểm như thế nào?

I

SAI LẦM CHỦ YẾU CỦA ĐỒNG CHÍ I-A-RÔ-SEN-CÔ

Nếu muốn nhận định vắn tắt về quan điểm của đồng chí I-a-rô-sen-cô, thì chúng ta phải nói rằng quan điểm đó không phải là mác-xít, và do đấy, là hết sức sai lầm.

Sai lầm chủ yếu của đồng chí I-a-rô-sen-cô là ở chỗ đồng chí đã xa rời chủ nghĩa Mác trong vấn đề tác dụng của những lực lượng sản xuất và của những quan hệ sản xuất trong sự phát triển của xã hội, là ở chỗ đồng chí đã hết sức cường điệu tác dụng của những lực lượng sản xuất và hết sức thu nhỏ tác dụng của những quan hệ sản xuất đề cuối cùng đi đến chỗ tuyên bố rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, những quan hệ sản xuất là một bộ phận của những lực lượng sản xuất.

Đồng chí I-a-rô-sen-cô đồng ý thừa nhận rằng những quan hệ sản xuất có một tác dụng nào đó khi có «mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng», vì trong những điều kiện ấy, thì những quan hệ sản xuất «cản trở sự phát triển của những lực lượng sản xuất». Những tác dụng đó, đồng chí lại quy thành một tác dụng tiêu cực, coi đó là một nhân tố cản trở sự phát triển của những lực lượng sản xuất, làm tê liệt sự phát triển đó. Đồng chí I-a-rô-sen-cô thấy những quan hệ sản xuất không có tác dụng nào khác, không có tác dụng tích cực.

Đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, trong đó «mâu thuẫn giữa các giai cấp đối kháng» đã bị thủ tiêu và «những quan hệ sản xuất không còn cản trở sự phát triển của những lực lượng sản xuất nữa», thì đồng chí I-a-rô-sen-cô cho rằng ở đó mọi tác dụng độc lập của những quan hệ sản xuất, dù tác dụng đó như thế nào chăng nữa cũng đều không còn nữa; những quan hệ sản xuất không còn là một nhân tố quan trọng của sự phát triển và bị những lực lượng sản xuất thu hút, coi như một bộ phận trong chỉnh thể. Theo đồng chí I-a-rô-sen-cô, thì dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, «những quan hệ sản xuất giữa người ta với nhau nằm trong tổ chức của những lực lượng sản xuất, với tư cách là phương tiện, là thành phần của tổ chức đó» (xem bức thư của đồng chí I-a-rô-sen-cô gửi Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương).

Vậy thì trong trường hợp đó, nhiệm vụ chủ yếu của kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa là gì? Đồng chí I-a-rô-sen-cô trả lời: «Bởi vậy, vấn đề chủ yếu của kinh tế chính trị học mác-xít *không phải là* nghiên cứu những quan hệ sản xuất giữa người và người trong xã hội xã hội chủ nghĩa *mà là* xây dựng và phát triển một lý luận khoa học về tổ chức của những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội, một lý luận về kế hoạch hóa sự phát triển của nền kinh tế quốc dân» (xem bài phát biểu của đồng chí I-a-rô-sen-cô trong phiên thảo luận toàn hội nghị).

Điều đó thực ra cho chúng ta thấy rõ rằng đồng chí I-a-rô-sen-cô không chú ý đến những vấn đề kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa như: sự tồn tại của các hình thức sở hữu khác nhau trong nền kinh tế của

chúng ta, lưu thông hàng hóa, quy luật giá trị, v.v., vì đồng chí ấy cho rằng đấy là những vấn đề thứ yếu, chỉ hay gây ra những cuộc tranh luận có tính chất học viện mà thôi. Đồng chí ấy tuyên bố công nhiên rằng, trong cuốn «Kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa» của đồng chí, «những cuộc tranh luận về tác dụng của phạm trù này, phạm trù nọ của kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa như giá trị, hàng hóa, tiền tệ, tín dụng, v.v., tức là những cuộc tranh luận thường có tính chất học viện ở nước ta, *đều được thay thế* bằng những nghị luận đúng đắn về việc tổ chức một cách hợp lý những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội, về việc xây dựng những nguyên tắc khoa học làm cơ sở cho tổ chức đó» (xem bài phát biểu của đồng chí I-a-rô-sen-cô ở phiên thảo luận tổ).

Như vậy, đó là một khoa kinh tế chính trị không có vấn đề kinh tế.

Đồng chí I-a-rô-sen-cô tưởng rằng chỉ cần «một tổ chức hợp lý của những lực lượng sản xuất» là có thể tiến một cách không khó khăn gì lắm từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí cho rằng như thế là hoàn toàn đủ để tiến lên chủ nghĩa cộng sản rồi. Đồng chí tuyên bố rõ ràng rằng «dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh để xây dựng một xã hội cộng sản thì chủ yếu chỉ còn là một cuộc đấu tranh để tổ chức đúng đắn và sử dụng hợp lý những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội» (xem bài phát biểu ở cuộc thảo luận toàn hội nghị). Đồng chí I-a-rô-sen-cô đắc chí tuyên bố rằng: «chủ nghĩa cộng sản là hình thức tổ chức khoa học cao nhất của những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội».

Như vậy, thì về bản chất, chế độ cộng sản chỉ là «một tổ chức hợp lý của những lực lượng sản xuất».

Do tất cả những điều nói trên, đồng chí I-a-rô-sen-cô đi đến kết luận rằng không thể có một khoa kinh tế chính trị chung cho mọi hình thái xã hội; phải có hai khoa kinh tế chính trị: một cho những hình thái xã hội tiền xã hội chủ nghĩa, mà đối tượng là nghiên cứu những quan hệ sản xuất giữa người và người; một cho chế độ xã hội chủ nghĩa mà đối tượng không phải là nghiên cứu những quan hệ sản xuất, nghĩa là những quan hệ kinh tế, mà là nghiên cứu những vấn đề về tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất.

Đó là quan điểm của đồng chí I-a-rô-sen-cô.

Chúng ta có thể nói gì về quan điểm đó?

Trước hết, nếu nói rằng tác dụng của những quan hệ sản xuất trong lịch sử của xã hội chỉ là tác dụng của một chướng ngại làm tê liệt sự phát triển của những lực lượng sản xuất thì như thế là sai. Khi những người mác-xít nói rằng những quan hệ sản xuất có tác dụng cản trở thì họ không nói hết thảy những quan hệ sản xuất mà chỉ nói những quan hệ sản xuất cũ, không còn phù hợp với sự phát triển của những lực lượng sản xuất, và do đấy, cản trở những lực lượng sản xuất phát triển. Nhưng ngoài những quan hệ sản xuất cũ ra thì, như người ta đã biết, còn có những quan hệ sản xuất mới thay thế những quan hệ sản xuất cũ. Liệu có thể nói rằng tác dụng của những quan hệ sản xuất mới chỉ là tác dụng cản trở những lực lượng sản xuất được không? Tất nhiên là không. Trái lại, những quan hệ sản xuất mới là lực lượng *chủ yếu* và quyết định thật sự đang quyết định sự phát triển không

ngừng và mạnh mẽ của những lực lượng sản xuất, và nếu không có chúng thì những lực lượng sản xuất sẽ phải sống héo hon, như người ta thấy hiện nay trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Không ai có thể phủ nhận sự phát triển phi thường của những lực lượng sản xuất của nền công nghiệp xô-viết chúng ta trong các kế hoạch 5 năm. Nhưng sẽ không có sự phát triển đó nếu tháng mười 1917, chúng ta không thay những quan hệ sản xuất cũ: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, bằng những quan hệ sản xuất mới: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nếu không có cuộc cách mạng đó trong những quan hệ sản xuất, trong những quan hệ kinh tế ở nước ta, thì những lực lượng sản xuất sẽ héo hon ở nước ta như chúng đang héo hon ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Không ai có thể phủ nhận được sự phát triển phi thường của những lực lượng sản xuất của nền nông nghiệp chúng ta từ 20-25 năm lại đây. Nhưng sẽ không có sự phát triển đó, nếu vào những năm 30, chúng ta không thay những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa cũ bằng những quan hệ sản xuất mới, tập thể, ở nông thôn. Nếu không có cuộc cách mạng đó trong sản xuất, thì những lực lượng sản xuất nông nghiệp ở nước ta sẽ héo hon như chúng đang héo hon trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Cố nhiên, những quan hệ sản xuất mới, không thể cứ mới và mới mãi mãi; chúng bắt đầu cũ đi và mâu thuẫn với sự phát triển thêm một bước của những lực lượng sản xuất; chúng dần dần mất tác dụng làm động lực chủ yếu của những lực lượng sản xuất và cản trở những lực lượng sản xuất. Lúc đó những quan hệ

sản xuất cũ nhường chỗ cho những quan hệ sản xuất mới là những quan hệ có tác dụng làm động lực chủ yếu cho sự phát triển thêm một bước của những lực lượng sản xuất.

Đặc điểm đó của sự phát triển của những quan hệ sản xuất – từ tác dụng cản trở những lực lượng sản xuất chuyển thành tác dụng làm động lực chủ yếu đẩy những lực lượng sản xuất phát triển, và từ tác dụng làm động lực chủ yếu chuyển thành tác dụng cản trở những lực lượng sản xuất – là một trong những yếu tố chủ yếu của biện chứng duy vật mác-xít. Những người mới học chủ nghĩa Mác đều biết như vậy. Thế mà hình như đồng chí I-a-rô-sen-cô lại không biết.

Hai nữa, nói rằng tác dụng độc lập của những quan hệ sản xuất, nghĩa là những quan hệ kinh tế, không còn tồn tại dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; rằng những quan hệ sản xuất bị những lực lượng sản xuất thu hút; rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, sản xuất xã hội chỉ còn là tổ chức những lực lượng sản xuất, – thì nói như vậy là sai. Chủ nghĩa Mác coi nền sản xuất xã hội là một chỉnh thể có hai mặt không thể tách rời ra được: những lực lượng sản xuất của xã hội (những quan hệ giữa xã hội và những lực lượng thiên nhiên là những lực lượng mà xã hội phải đấu tranh chống lại để bảo đảm cho mình những tư liệu vật chất cần thiết) và những quan hệ sản xuất (những quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất). Đấy là hai mặt khác nhau của nền sản xuất xã hội, mặc dầu chúng gắn liền chặt chẽ với nhau. Và chính là vì chúng là hai mặt khác nhau của nền sản xuất xã hội mà chúng có thể ảnh hưởng lẫn nhau. Nói rằng một trong hai

mặt đó có thể bị mặt kia thu hút và trở thành một bộ phận khăng khít của mặt kia tức là phản lại chủ nghĩa Mác một cách nghiêm trọng nhất.

Mác nói:

« Trong sản xuất, người ta không những chỉ tác động đến tự nhiên không thôi mà còn tác động lẫn nhau nữa. Người ta chỉ sản xuất được bằng cách hợp tác với nhau theo một cách nào đó và trao đổi hoạt động với nhau. Muốn sản xuất được, người ta phải có những mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau và chỉ trong phạm vi những mối liên hệ và quan hệ xã hội đó thì mới tác động vào tự nhiên được, mới sản xuất được »[1*].

Do đấy mà nền sản xuất xã hội có hai mặt, hai mặt này mặc dầu không tách rời nhau, nhưng không phải vì thế mà không biểu hiện hai loại những quan hệ khác nhau: những quan hệ giữa người với tự nhiên (những lực lượng sản xuất) và những quan hệ giữa người với nhau trong quá trình sản xuất (những quan hệ sản xuất). Chỉ có sự tồn tại đồng thời của hai mặt đó của sản xuất thì mới có nền sản xuất xã hội, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa hay dưới những hình thái xã hội khác cũng vậy.

Rõ ràng là đồng chí I-a-rô-sen-cô không hoàn toàn đồng ý với Mác. Đồng chí ấy cho rằng luận điểm đó của Mác không thích dụng cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, đồng chí ấy quy nhiệm vụ của kinh tế chính trị học vào việc tổ chức hợp lý những lực lượng sản

---

1* C. Mác « Lao động làm công và tư bản », trong C. Mác-Ph. Ăng-ghen, « Tuyển tập », bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, t. 1, tr. 107.

xuất, hoàn toàn gạt bỏ những quan hệ sản xuất, những quan hệ kinh tế, và tách những lực lượng sản xuất khỏi những quan hệ sản xuất.

Do đấy mà đồng chí I-a-rô-sen-cô không đưa ra cho chúng ta kinh tế chính trị học mác-xít mà đưa ra một cái gì giống như loại « Khoa học chung về tổ chức » của Bô-gđa-nốp.

Như vậy là xuất phát từ ý niệm rất đúng nói rằng những lực lượng sản xuất là những lực lượng hoạt động nhất và cách mạng nhất của sản xuất, đồng chí I-a-rô-sen-cô đầy cho ý kiến đó trở thành phi lý, đi đến chỗ phủ nhận tác dụng của những quan hệ sản xuất, của những quan hệ kinh tế dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ; đồng chí ấy không đưa ra cho chúng ta một nền sản xuất xã hội với ý nghĩa đầy đủ của nó, mà đưa ra một kỹ thuật học cắt xén và phiến diện về sản xuất, một cái gì giống như « kỹ thuật tổ chức xã hội » của Bu-kha-rin.

Mác nói :

« Trong sự sản xuất xã hội về đời sống của mình (nghĩa là trong sự sản xuất ra các tư liệu vật chất cần thiết cho đời sống của mình – I. V. Xta-lin), con người có những quan hệ với nhau, những quan hệ nhất định, tất yếu, độc lập đối với ý muốn của họ, tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ sản xuất này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy họp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cơ sở thực tại, trên đấy xây dựng lên một kiến trúc

thượng tầng pháp lý và chính trị, và thích ứng với cơ sở thực tại đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định» [1*].

Nói một cách khác là: mỗi hình thái xã hội, kể cả xã hội xã hội chủ nghĩa, đều có cơ sở kinh tế của nó, do toàn bộ những quan hệ sản xuất giữa người và người tạo thành. Vấn đề đặt ra là: đối với đồng chí I-a-rô-sen-cô, cơ sở kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ như thế nào? Như chúng ta đều biết, đồng chí I-a-rô-sen-cô đã thủ tiêu những quan hệ sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội về mặt là một lĩnh vực ít nhiều độc lập, và đem nhập cái phần ít còn lại của những quan hệ sản xuất đó vào trong tổ chức của những lực lượng sản xuất. Người ta sẽ tự hỏi: chế độ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế của nó hay không? Rõ ràng là dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, những quan hệ sản xuất, với tư cách là một lực lượng ít nhiều độc lập, mà không còn nữa thì chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ không có cơ sở kinh tế riêng của nó nữa.

Như vậy là một chế độ xã hội chủ nghĩa không có cơ sở kinh tế của nó. Thật là một chuyện nực cười...

Liệu có thể có một chế độ xã hội không có cơ sở kinh tế được không? Hình như đồng chí I-a-rô-sen-cô cho rằng có thể có. Nhưng chủ nghĩa Mác lại cho rằng trên thế giới không có những chế độ xã hội như vậy.

Cuối cùng, cho rằng chủ nghĩa cộng sản là sự tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất; rằng, về bản chất,

---

1* C. Mác, «Lời tựa cuốn Phê phán kinh tế chính trị học» trong C. Mác — Ph. Ăng-ghen, «Tuyển tập», bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, t. 1, tr. 576.

chế độ cộng sản chỉ là sự tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất ; rằng chỉ cần tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất là có thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản không gặp khó khăn gì lớn. Trong sách báo nước ta, có một định nghĩa khác, một công thức khác về chủ nghĩa cộng sản, đó là công thức của Lê-nin : « Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa cả nước ». Hình như công thức của Lê-nin không làm vừa lòng đồng chí I-a-rô-sen-cô nên đồng chí đem thay bằng một công thức do đồng chí ấy phát minh ra : « Chủ nghĩa cộng sản là hình thức cao nhất của sự tổ chức khoa học những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội ».

Trước hết, không ai biết đích xác cái « hình thức cao nhất của sự tổ chức khoa học » đó, hay cái tổ chức « hợp lý » những lực lượng sản xuất mà đồng chí I-a-rô-sen-cô tán dương là cái gì, nội dung cụ thể của nó ra sao ? Đồng chí I-a-rô-sen-cô nhắc lại nhiều lần công thức thần bí đó trong những bài phát biểu ở các phiên thảo luận toàn hội nghị, ở các phiên thảo luận tổ, trong bức thư giử cho các ủy viên Bộ chính trị, nhưng không có chỗ nào đồng chí ấy phát biểu để giải thích xem nên hiểu thế nào cho đúng cái « tổ chức hợp lý » những lực lượng sản xuất đó, cái tổ chức được quy thành bản chất của chủ nghĩa cộng sản.

Thứ hai, nếu người ta được chọn một trong hai công thức đó, thì người ta không vứt bỏ công thức của Lê-nin là công thức duy nhất đúng, mà vứt bỏ cái gọi là công thức của đồng chí I-a-rô-sen-cô, một công thức rõ ràng là không hợp lý và không mác-xít, mượn trong kho vũ khí của Bô-gda-nốp, trong cuốn « Khoa học chung về tổ chức ».

Đồng chí I-a-rô-sen-cô tưởng rằng chỉ cần tổ chức một cách hợp lý những lực lượng sản xuất là đủ để có được dồi dào sản phẩm và tiến lên chủ nghĩa cộng sản, tiến từ công thức «hưởng theo lao động» sang công thức «hưởng theo nhu cầu». Đấy là một sai lầm nghiêm trọng chứng tỏ đồng chí ấy hoàn toàn không hiểu các quy luật của sự phát triển kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Đồng chí I-a-rô-sen-cô hình dung một cách đơn giản, đơn giản đến ngô nghê, những điều kiện để chuyển từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí I-a-rô-sen-cô không hiểu rằng chúng ta sẽ không có dồi dào sản phẩm để thỏa mãn mọi nhu cầu của xã hội, sẽ không tiến lên «hưởng theo nhu cầu» được, nếu chúng ta cứ để cho những sự kiện kinh tế như chế độ sở hữu của nông trang tập thể, lưu thông hàng hóa, v.v., tồn tại. Đồng chí I-a-rô-sen-cô không hiểu rằng trước khi tiến lên công thức «hưởng theo nhu cầu» thì xã hội phải tự cải tạo về mặt kinh tế và văn hóa qua nhiều giai đoạn khiến cho lao động trước kia chỉ là một phương tiện bảo đảm đời sống, bây giờ thành một nhu cầu bậc nhất đối với xã hội và khiến cho chế độ sở hữu xã hội chuyển thành cơ sở không thể lay chuyển và xâm phạm được của sự tồn tại của xã hội.

Để chuẩn bị tiến lên chủ nghĩa cộng sản, tiến thật sự chứ không phải nói suông, thì phải thực hiện ít nhất là ba điều kiện cơ bản tiên quyết sau đây.

1. Thứ nhất, phải bảo đảm vững chắc, không phải là sự «tổ chức hợp lý» thần bí những lực lượng sản xuất, mà là sự tăng lên không ngừng của toàn bộ nền sản xuất xã hội bằng cách dành ưu tiên cho việc sản xuất

ra tư liệu sản xuất. Cần phải ưu tiên phát triển ngành sản xuất tư liệu sản xuất, không những vì ngành đó có thể trang bị cả những xí nghiệp của nó lẫn những xí nghiệp của hết thảy các ngành khác của nền kinh tế quốc dân, mà còn vì nếu không có ngành đó thì tuyệt đối không thể thực hiện được tái sản xuất mở rộng.

2. Thứ hai, phải nâng — từng bước một, sao cho có lợi cho nông trang tập thể, và do đó cũng có lợi cho toàn thể xã hội — chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân và thay thế, cũng từng bước một, chế độ lưu thông hàng hóa bằng chế độ trao đổi sản phẩm, để cho hoạt động của chính quyền trung ương hay của một cơ quan kinh tế trung ương nào đó của xã hội có thể nắm được toàn bộ sản phẩm của nền sản xuất xã hội để mưu lợi cho xã hội.

Đồng chí I-a-rô-sen-cô đã lầm khi nói rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, không hề có một mâu thuẫn nào giữa những quan hệ sản xuất và những lực lượng sản xuất của xã hội. Đương nhiên, những quan hệ sản xuất ở nước ta hiện đang trải qua một thời kỳ mà chúng hoàn toàn phù hợp với sự phát triển của những lực lượng sản xuất và làm cho những lực lượng sản xuất tiến những bước khổng lồ. Những sẽ sai lầm nếu cứ yên trí cho rằng ở nước ta không có một mâu thuẫn nào giữa những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất. Hiện đang có và nhất định sẽ có mâu thuẫn, vì sự phát triển của những quan hệ sản xuất hiện đang chậm hơn và sẽ chậm hơn sự phát triển của những lực lượng sản xuất. Nếu các cơ quan lãnh đạo thực hành

một chính sách đúng, thì những mâu thuẫn đó không thể hóa thành đối kháng được, và chúng sẽ không dẫn đến xung đột giữa những quan hệ sản xuất với những lực lượng sản xuất của xã hội. Tình hình sẽ khác đi, nếu chúng ta thực hành một chính sách sai lầm như chính sách do đồng chí I-a-rô-sen-cô đề nghị. Lúc đó, một sự xung đột sẽ không tránh khỏi xảy ra và những quan hệ sản xuất ở nước ta có thể trở thành một trở ngại rất lớn cho sự phát triển của những lực lượng sản xuất.

Vì vậy, các cơ quan lãnh đạo có nhiệm vụ kịp thời nhận ra những mâu thuẫn đang chín muồi và kịp thời áp dụng những biện pháp để khắc phục những mâu thuẫn đó bằng cách làm cho những quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của những lực lượng sản xuất. Điều ấy là đúng, trước hết đối với những sự kiện kinh tế như chế độ sở hữu của nông trang tập thể, lưu thông hàng hóa. Đương nhiên hiện nay, chúng ta đang lợi dụng có kết quả những sự kiện đó để phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, và những sự kiện đó đem lại cho xã hội nước ta nhiều lợi ích không thể chối cãi được. Chắc chắn rằng trong một tương lai gần đây, chúng vẫn còn đem lại nhiều lợi ích. Nhưng sẽ thật là mù quáng không thể tha thứ được, nếu không thấy rằng những sự kiện đó, ngay từ bây giờ, đã bắt đầu cản trở sự phát triển mạnh mẽ của những lực lượng sản xuất của chúng ta, chúng ngăn trở nhà nước kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân, và nhất là nông nghiệp. Không nghi ngờ gì nữa rằng chúng ta càng tiến tới, thì những sự kiện ấy càng cản trở sự phát

triển của những lực lượng sản xuất ở nước ta. Vậy vấn đề là thủ tiêu những mâu thuẫn đó bằng cách cải biến, từng bước một, chế độ sở hữu của nông trang tập thể thành chế độ sở hữu toàn dân và bằng cách thay thế, cũng từng bước một, chế độ lưu thông hàng hóa bằng chế độ trao đổi sản phẩm.

3. Thứ ba, phải bảo đảm cho xã hội một sự phát triển văn hóa khiến cho hết thảy mọi thành viên của xã hội có thể phát triển một cách cân đối thể lực và trí lực của họ, để họ có thể được giáo dục đầy đủ và trở thành những người tích cực xây dựng sự phát triển xã hội; để họ có thể tự do lựa chọn một nghề chứ không vì sự phân công hiện nay mà bị trói chặt mãi mãi vào một nghề nhất định.

Muốn như vậy, phải làm thế nào?

Sẽ sai lầm nếu tưởng rằng có thể thực hiện được một tiến bộ văn hóa lớn như vậy của những thành viên trong xã hội mà không phải thay đổi gì nhiều trong tình hình lao động hiện nay. Muốn vậy, trước hết phải giảm ngày lao động xuống ít nhất là còn 6 giờ, rồi 5 giờ. Như thế là cần thiết cho mọi thành viên trong xã hội có đủ thời giờ rỗi để hưởng một sự giáo dục đầy đủ. Muốn vậy, phải thực hành chế độ giáo dục bách khoa bắt buộc, cần thiết để mọi người trong xã hội có thể tự do lựa chọn một nghề và không bị trói chặt vĩnh viễn vào một nghề nhất định. Muốn vậy, phải căn bản cải thiện thêm nữa những điều kiện nhà ở và tăng tiền lương thực tế của công nhân viên chức lên ít nhất là gấp đôi hay hơn nữa, bằng cách một mặt thì trực tiếp tăng lương bằng

tiền mặt, mặt khác và đây là mặt chủ yếu, bằng cách không ngừng giảm giá những hàng thường dùng.

Đấy là những điều kiện căn bản chuẩn bị cho bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.

Chỉ sau khi *hết thảy* những điều kiện tiên quyết đó được thực hiện toàn bộ thì người ta mới có thể hy vọng rằng mọi thành viên trong xã hội sẽ không còn coi lao động là khổ sai nữa mà thấy lao động là « nhu cầu bậc nhất của đời sống » (Mác), rằng « lao động không còn là một gánh nặng nữa, mà sẽ là một niềm vui » (Ăng-ghen); rằng mọi thành viên trong xã hội sẽ coi chế độ sở hữu xã hội là cơ sở không thể lay chuyển và không thể xâm phạm được của sự tồn tại của xã hội.

Chỉ sau khi *hết thảy* những điều kiện tiên quyết đó được thực hiện toàn bộ thì người ta mới có thể tiến từ công thức xã hội chủ nghĩa « làm theo khả năng, hưởng theo lao động » sang công thức cộng sản « làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu ».

Đó sẽ là bước quá độ căn bản của một nền kinh tế, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, lên một nền kinh tế khác, một nền kinh tế cao hơn, nền kinh tế cộng sản.

Ai nấy đều thấy rằng bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản không phải đơn giản, như đồng chí I-a-rô-sen-cô tưởng.

Muốn quy tất cả cái nhiệm vụ phức tạp và muôn màu muôn vẻ đó, một nhiệm vụ đòi hỏi những thay đổi hết sức sâu sắc về kinh tế, thành việc « tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất », như đồng chí I-a-rô-sen cô làm, thì như thế là đem chủ nghĩa Bô-gđa-nốp thay cho chủ nghĩa Mác.

II

NHỮNG SAI LẦM KHÁC CỦA ĐỒNG CHÍ I-A-RÔ-SEN-CÔ

1. Xuất phát từ một quan điểm sai lầm, đồng chí I-a-rô-sen-cô đi đến những kết luận sai lầm về tính chất và đối tượng của kinh tế chính trị học.

Xuất phát từ chỗ là mỗi hình thái xã hội đều có những quy luật kinh tế riêng biệt của nó, đồng chí I-a-rô-sen-cô phủ nhận sự cần thiết của một khoa kinh tế chính trị thích dụng cho hết thảy mọi hình thái xã hội. Nhưng đồng chí đã hoàn toàn sai lầm và ở đây, đồng chí nói ngược lại các nhà mác-xít như Ăng-ghen, Lê-nin.

Ăng-ghen nói rằng kinh tế chính trị học là «khoa học về những điều kiện và hình thức, trong đó *các xã hội loài người* đã sản xuất và trao đổi sản phẩm, và trong đó các xã hội ấy phân phối sản phẩm một cách thích ứng» («Chống Đuy-rinh»). Do đấy, kinh tế chính trị học nghiên cứu các quy luật của sự phát triển kinh tế không phải của một hình thái kinh tế riêng biệt, mà của các hình thái xã hội khác nhau.

Như mọi người đều biết, Lê-nin hoàn toàn tán thành quan điểm đó; Lê-nin, khi phê phán cuốn «Nền kinh tế của thời kỳ quá độ» của Bu-kha-rin, có nói rằng Bu-kha-rin đã mắc sai lầm khi đã hạn chế phạm vi tác dụng của kinh tế chính trị học ở trong nền sản xuất hàng hóa, và trước hết là ở trong nền sản xuất

tư bản chủ nghĩa, và Lê-nin chỉ ra rằng, ở đây, Bu-kha-rin đã «thụt lùi một bước so với Ăng-ghen».

Định nghĩa kinh tế chính trị học trong bản dự thảo cuốn giáo khoa kinh tế chính trị học là hoàn toàn phù hợp với quan điểm nói trên. Trong bản dự thảo đó, có nói rằng kinh tế chính trị học là khoa học nghiên cứu «những quy luật của nền sản xuất xã hội và của sự phân phối những tư liệu vật chất *trong các giai đoạn* phát triển *khác nhau* của xã hội loài người».

Điều đó rất dễ hiểu. Các hình thái xã hội khác nhau, trong sự phát triển kinh tế của chúng, đều tuân theo không những các quy luật kinh tế riêng của chúng, mà còn tuân theo cả những quy luật kinh tế chung cho mọi hình thái; chẳng hạn, tuân theo những quy luật như: sự thống nhất giữa những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất trong cùng một nền sản xuất xã hội, sự liên hệ giữa những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất trong quá trình phát triển của hết thảy mọi hình thái xã hội. Do đấy, các hình thái xã hội không phải chỉ tách rời nhau bởi những quy luật riêng của chúng, mà còn liên hệ với nhau bởi những quy luật kinh tế chung của chúng nữa.

Ăng-ghen nói hoàn toàn đúng rằng:

«Muốn phê phán toàn diện kinh tế chính trị học tư sản, mà chỉ biết rõ hình thức tư bản chủ nghĩa của sản xuất, trao đổi và phân phối thì không đủ; mà còn phải nghiên cứu và so sánh, ít nhất là về đại thể, những hình thức trước chủ nghĩa tư bản hay những hình thức hiện nay còn tồn tại bên cạnh hình thức tư bản chủ nghĩa trong những nước chậm tiến» («Chống Đuy-rinh»).

Hiển nhiên là ở đây, trong vấn đề này, đồng chí I-a-rô-sen-cô tán thành Bu-kha-rin.

Sau nữa, đồng chí I-a-rô-sen-cô quả quyết rằng trong cuốn «Kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa» của đồng chí, «những phạm trù của kinh tế chính trị học: giá trị, hàng hóa, tiền, tín dụng, v.v., *được thay thế* bằng những nghị luận lành mạnh về «sự tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất trong nền sản xuất xã hội»; rằng do đấy, đối tượng của khoa kinh tế chính trị học *đó không phải là* những quan hệ sản xuất của chủ nghĩa xã hội *mà là* «sự xây dựng và phát triển một lý luận khoa học về sự tổ chức những lực lượng sản xuất, một lý luận về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, v.v.»; rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa những quan hệ sản xuất mất mọi ý nghĩa riêng của chúng và bị những lực lượng sản xuất thu hút thành một bộ phận tổ thành của những lực lượng đó.

Tôi phải nói rằng chưa bao giờ, ở nước ta, có một «người mác-xít» sai lầm nào lại phát biểu hồ đồ như thế. Thật ra, thế nào là một khoa kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa không có những vấn đề kinh tế, không có những vấn đề sản xuất? Có thể có một khoa kinh tế chính trị như vậy được không? Trong kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa, thay các vấn đề kinh tế bằng các vấn đề về tổ chức những lực lượng sản xuất nghĩa là thế nào? Như thế không khác gì xóa bỏ kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội. Thế mà chính đồng chí I-a-rô-sen-cô đã làm như vậy đó: đồng chí ấy xóa bỏ kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội. Ở đây đồng chí hoàn toàn đi theo Bu-kha-rin. Bu-kha-rin đã *nói* rằng sau khi xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, người ta phải xóa bỏ kinh tế chính trị học.

Đồng chí I-a-rô-sen-cô không nói như thế, nhưng lại *làm* như thế, khi đồng chí ấy xóa bỏ kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội. Đúng là đồng chí ấy làm ra vẻ không hoàn toàn đồng ý với Bu-kha-rin nhưng đấy chỉ là một mưu kế và là một mưu kế rẻ tiền nữa. Sự thật, đồng chí ấy đã làm cái mà Bu-kha-rin đề xướng, nhưng bị Lê-nin phản đối. Đồng chí I-a-rô-sen-cô đi theo vết chân của Bu-kha-rin.

Tiếp nữa, đồng chí I-a-rô-sen-cô quy những vấn đề của kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa thành những vấn đề về tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất, những vấn đề về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, v.v.. Nhưng đồng chí ấy nhầm to. Những vấn đề về tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất, về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, v.v., không phải là đối tượng của kinh tế chính trị học mà là đối tượng của chính sách kinh tế của những cơ quan lãnh đạo. Đây là hai lĩnh vực khác nhau không được lẫn lộn. Đồng chí I-a-rô-sen-cô đã lẫn lộn hai cái khác nhau đó và thế là đồng chí đang đứng vào tình thế khó xử! Kinh tế chính trị học nghiên cứu các quy luật phát triển của những quan hệ sản xuất giữa người và người. Chính sách kinh tế rút ở đấy ra những kết luận thực tiễn, cụ thể hóa những kết luận đó và dùng những kết luận đó làm căn cứ trong hoạt động hàng ngày của nó. Nhét đầy vào kinh tế chính trị học những vấn đề của chính sách kinh tế, như thế là giết nó về mặt nó là khoa học.

Đối tượng của kinh tế chính trị học là những quan hệ sản xuất, những quan hệ kinh tế giữa người và người. Những quan hệ đó bao gồm: *a*) những hình

thức của chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất; *b*) địa vị các tập đoàn xã hội khác nhau trong sản xuất và những mối liên hệ giữa họ với nhau, hay như Mác nói: «sự trao đổi hoạt động giữa họ với nhau» – địa vị và mối liên hệ đó đều do các hình thức nói trên mà có; *c*) những hình thức phân phối sản phẩm, do những quan hệ sản xuất chi phối hoàn toàn. Chính những cái đó cấu thành đối tượng của kinh tế chính trị học.

Tiếng «trao đổi» có trong định nghĩa của Ăng-ghen, lại không có trong định nghĩa trên. Đó là vì nhiều người thường hiểu «trao đổi» là trao đổi hàng hóa, một hiện tượng không phải chung cho hết thảy mọi hình thái xã hội, mà chỉ cho vài hình thái; do đấy mà đôi khi có sự hiểu lầm, mặc dầu Ăng-ghen khi dùng tiếng «trao đổi» thì không phải chỉ nói trao đổi hàng hóa. Nhưng mọi người đều thấy rằng nội dung của tiếng «trao đổi» theo như Ăng-ghen hiểu thì đã nằm trong định nghĩa nói trên thành một bộ phận cấu thành của định nghĩa đó. Như thế là về nội dung, định nghĩa đối tượng của kinh tế chính trị học trong bản dự thảo là hoàn toàn phù hợp với định nghĩa của Ăng-ghen.

2. Khi người ta nói quy luật kinh tế cơ bản của một hình thái xã hội nào đó thì thường thường người ta ngụ ý rằng hình thái đó không thể có nhiều quy luật kinh tế cơ bản được mà chỉ có một quy luật kinh tế cơ bản thôi, chính là vì quy luật đó là quy luật *cơ bản*. Nếu không thì mỗi hình thái xã hội lại có nhiều quy luật kinh tế cơ bản, như thế là mâu thuẫn với ngay khái niệm quy luật cơ bản. Nhưng ý kiến của đồng

chí I-a-rô-sen-cô lại khác. Đồng chí ấy cho rằng có thể có không phải một, mà nhiều quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Thật không thể tin được, nhưng thật thế đấy. Trong bài phát biểu ở phiên thảo luận toàn hội nghị, đồng chí ấy nói:

«Khối lượng những vật tư của sản xuất xã hội và của tái sản xuất xã hội và mối liên hệ giữa chúng với nhau, là do số lượng và triển vọng của sự tăng lên của sức lao động đưa vào nền sản xuất xã hội quyết định. Đó là quy luật kinh tế cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, quy luật này chế ước kết cấu của sản xuất xã hội và tái sản xuất xã hội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa».

Đó là quy luật kinh tế cơ bản thứ nhất ủa chủ nghĩa xã hội.

Cũng trong bài phát biểu đó, đồng chí I-a-rô-sen-cô tuyên bố:

«Quan hệ giữa khu vực I và khu vực II trong xã hội xã hội chủ nghĩa bị chế ước bởi nhu cầu sản xuất ra những tư liệu sản xuất theo những quy mô cần thiết để thu hút hết thảy mọi người có khả năng lao động vào trong nền sản xuất xã hội. Đó là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đồng thời, cũng là một yêu cầu của Hiến pháp nước ta do quyền lao động của người công dân Liên-xô dẫn đến».

Đó là quy luật kinh tế cơ bản thứ hai của chủ nghĩa xã hội.

Sau hết, trong bức thư gửi các ủy viên Bộ chính trị, đồng chí I-a-rô-sen-cô nói:

«Xuất phát từ đó, theo tôi thì, người ta có thể nói lên đại thể những đặc điểm và yêu cầu chủ yếu của quy

luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau: sản xuất luôn luôn tăng lên và không ngừng hoàn thiện tạo ra những điều kiện vật chất và văn hóa của xã hội».

Đó là quy luật kinh tế cơ bản thứ ba của chủ nghĩa xã hội.

Tất cả những quy luật đó phải chăng đều là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội hay chỉ là một trong những quy luật đó, và nếu vậy thì đó là quy luật nào? Trong bức thư cuối cùng của đồng chí gửi các ủy viên Bộ chính trị, đồng chí I-a-rô-sen-cô không trả lời những câu hỏi đó. Trong bức thư gửi các ủy viên Bộ chính trị, khi đồng chí ấy nói lên quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, có lẽ đồng chí ấy đã «quên» rằng, ba tháng trước đây, trong bài phát biểu ở cuộc thảo luận toàn hội nghị, đồng chí ấy nêu ra hai quy luật kinh tế cơ bản khác của chủ nghĩa xã hội, đồng chí ấy hình như tưởng rằng người ta sẽ không chú ý đến cái thủ đoạn mập mờ ấy. Nhưng, như chúng ta thấy, hy vọng đó không thành đâu.

Chúng ta hãy giả định rằng hai quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà đồng chí I-a-rô-sen-cô trình bày lần trước không còn tồn tại; và từ nay đồng chí I-a-rô-sen-cô coi công thức thứ ba trình bày trong bức thư gửi các ủy viên Bộ chính trị là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta hãy xem bức thư của đồng chí I-a-rô-sen-cô.

Trong bức thư đó, đồng chí I-a-rô-sen-cô nói rằng đồng chí ấy không đồng ý với định nghĩa quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong tập «Ý kiến» của đồng chí Xta-lin. Đồng chí ấy viết:

«Cái chủ yếu, trong định nghĩa đó, là «bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa... những nhu cầu của toàn thể xã hội». Ở đây, sản xuất được coi là một phương tiện để đạt mục đích chủ yếu này là: thỏa mãn nhu cầu. Định nghĩa đó hoàn toàn làm cho người ta tưởng rằng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, do đồng chí nêu ra, không phải xuất phát từ địa vị ưu tiên của sản xuất mà từ địa vị ưu tiên của tiêu dùng».

Rõ ràng là đồng chí I-a-rô-sen-cô không hiểu bản chất của vấn đề và đồng chí ấy không thấy rằng những điều đồng chí ấy nói về địa vị ưu tiên của tiêu dùng hay của sản xuất hoàn toàn không ăn nhập gì ở đây cả. Khi người ta nói đến địa vị ưu tiên của một quá trình xã hội này đối với một quá trình xã hội khác, thì thường thường người ta ngụ ý rằng hai quá trình đó ít nhiều thuộc cùng một loại. Người ta có thể và phải nói đến địa vị ưu tiên của việc sản xuất tư liệu sản xuất đối với việc sản xuất tư liệu tiêu dùng, bởi vì trong hai trường hợp đó, người ta đều nói đến sản xuất cả, tức là đến hai cái ít nhiều thuộc cùng một loại. Nhưng người ta không thể nói địa vị ưu tiên của tiêu dùng đối với sản xuất, hay địa vị ưu tiên của sản xuất đối với tiêu dùng, nói như thế là sai vì sản xuất và tiêu dùng là hai lĩnh vực hoàn toàn riêng biệt, tuy thực ra có liên hệ với nhau, nhưng vẫn riêng biệt. Đồng chí I-a-rô-sen-cô có lẽ không hiểu rằng vấn đề ở đây không phải là địa vị ưu tiên của tiêu dùng hay của sản xuất, mà là *mục đích* mà xã hội đặt ra cho nền sản xuất xã hội, là *nhiệm vụ* mà xã hội bắt nền sản xuất xã hội phải phục tùng, chẳng hạn, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Như vậy là, một lần nữa, đồng chí I-a-rô-sen-cô lại hoàn toàn đi ra ngoài đề khi đồng chí ấy nói rằng:

«cơ sở đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa, cũng như của mọi xã hội khác, là sản xuất». Đồng chí I-a-rô-sen-cô quên rằng người ta sản xuất không phải để sản xuất, mà để thỏa mãn những nhu cầu của mình. Đồng chí ấy quên rằng nếu sản xuất không thỏa mãn những nhu cầu của xã hội thì sản xuất sẽ héo mòn và chết đi.

Nói chung, liệu có thể nói đến mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa hay của sản xuất xã hội chủ nghĩa, đến những nhiệm vụ mà sản xuất tư bản chủ nghĩa hay sản xuất xã hội chủ nghĩa phải phục tùng hay không? Tôi cho rằng, người ta có thể và phải nói đến.

Mác nói:

«Mục đích trực tiếp của sản xuất tư bản chủ nghĩa không phải là sản xuất ra hàng hóa mà là sản xuất ra giá trị thặng dư hay ra lợi nhuận dưới hình thức phát triển của nó; không phải là sản xuất ra sản phẩm mà ra sản phẩm thặng dư. Đứng trên quan điểm ấy mà xét, thì chỉ khi nào lao động tạo ra lợi nhuận hay sản phẩm thặng dư cho tư bản thì mới là lao động sản xuất. Nếu lao động của công nhân không tạo ra được những thứ đó thì đấy là lao động không sản xuất. Do đấy, khối lượng lao động sản xuất đem dùng chỉ làm cho tư bản thấy hứng thú chừng nào mà số lượng lao động thặng dư nhờ có khối lượng lao động sản xuất ấy mà tăng lên hay tăng lên tương đương với khối lượng lao động sản xuất ấy; cũng do đấy, cái mà chúng ta gọi là thời gian lao động tất yếu mới là tất yếu. Nếu lao động không đem đến kết quả đó thì nó là thừa và phải đình chỉ.

«Mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa luôn luôn là tạo ra tối đa giá trị thặng dư hoặc tối đa sản phẩm

thặng dư bằng một tư bản tối thiểu; nếu không đạt được kết quả đó bằng cách bắt công nhân làm việc quá sức thì tư bản có khuynh hướng sản xuất ra số sản phẩm đó bằng một chi phí tối thiểu, nó có khuynh hướng tiết kiệm sức lao động và chi phí...

«Nếu xét theo quan điểm đó thì bản thân công nhân trong sản xuất tư bản chủ nghĩa sẽ hiện ra đúng nguyên trạng tức là công nhân chỉ là tư liệu sản xuất chứ không phải là mục đích tự nó, cũng không phải là mục đích của sản xuất» (xem «Các học thuyết về giá trị thặng dư», t. II, ph. 2).

Những lời đó của Mác là đặc biệt đáng chú ý, không những vì những lời đó định nghĩa ngắn gọn và chính xác mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn vì những lời đó vạch ra mục đích cơ bản, nhiệm vụ chủ yếu phải đề ra cho nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Vậy, mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa là lợi nhuận. Còn tiêu dùng thì chỉ cần thiết cho chủ nghĩa tư bản khi nào tiêu dùng bảo đảm lợi nhuận. Ngoài điều đó ra thì vấn đề tiêu dùng không được chủ nghĩa tư bản quan tâm đến. Người và nhu cầu của người không ở trong tầm mắt của chủ nghĩa tư bản.

Vậy mục đích của sản xuất xã hội chủ nghĩa là gì, nhiệm vụ chủ yếu mà nền sản xuất xã hội, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, phải phục tùng là nhiệm vụ gì?

Mục đích của sản xuất xã hội chủ nghĩa không phải là lợi nhuận, mà là con người với những nhu cầu của con người, nghĩa là sự thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của con người. Mục đích của sản xuất xã hội chủ nghĩa, như đã nói trong tập «Ý kiến» của đồng chí

Xta-lin, là «bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng của toàn xã hội».

Đồng chí I-a-rô-sen-cô nghĩ rằng như thế là coi tiêu dùng chiếm «địa vị ưu tiên» so với sản xuất. Dĩ nhiên đó là do đồng chí ấy thiếu suy nghĩ mà thôi. Thật ra, đây không phải là vấn đề địa vị ưu tiên của tiêu dùng mà là vấn đề nền sản xuất xã hội chủ nghĩa phải *phục tùng* mục đích cơ bản của nó: bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng của toàn xã hội.

Vậy, bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng của toàn xã hội: đấy là *mục đích* của sản xuất xã hội chủ nghĩa; không ngừng tăng thêm và hoàn thiện nền sản xuất xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một nền kỹ thuật cao: đấy là *phương tiện* để đạt mục đích đó.

Đó là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Vì muốn giữ «địa vị ưu tiên» của sản xuất so với tiêu dùng, đồng chí I-a-rô-sen-cô khẳng định rằng «quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội», là «không ngừng tăng thêm và hoàn thiện việc sản xuất ra những điều kiện vật chất và văn hóa của xã hội». Như vậy là hoàn toàn sai. Đồng chí I-a-rô-sen-cô cắt xén và làm sai lạc một cách thô bạo công thức trình bày trong tập «Ý kiến» của đồng chí Xta-lin. Đối với đồng chí I-a-rô-sen-cô, thì sản xuất không còn là phương tiện nữa mà trở thành mục đích, và không còn cần phải bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu vật chất và văn hóa tăng lên không ngừng của xã hội. Như vậy là tăng sản xuất để mà tăng sản xuất, sản xuất là một mục

đích tự nó, và đồng chí I-a-rô-sen-cô không chú ý gì đến con người và nhu cầu của con người nữa.

Bởi vậy, không lấy gì làm lạ rằng đồng thời với việc con người được coi là mục đích của sản xuất xã hội chủ nghĩa biến đi thì những di tích cuối cùng của chủ nghĩa Mác cũng biến mất trong «khái niệm» của đồng chí I-a-rô-sen-cô.

Bởi vậy, cái mà cuối cùng chúng ta thấy ở đồng chí I-a-rô-sen-cô thì không phải là «địa vị ưu tiên» của sản xuất so với tiêu dùng mà tựa hồ như là «địa vị ưu tiên» của hệ tư tưởng tư sản so với hệ tư tưởng mác-xít.

3. Một vấn đề được đặc biệt đề ra là: lý luận tái sản xuất của Mác. Đồng chí I-a-rô-sen-cô quả quyết rằng lý luận tái sản xuất của Mác chỉ thích dụng với tái sản xuất tư bản chủ nghĩa, nó không có cái gì là thích dụng với các hình thái xã hội khác, kể cả hình thái xã hội xã hội chủ nghĩa. Đồng chí ấy nói:

«Áp dụng công thức tái sản xuất của Mác nêu ra đối với kinh tế tư bản chủ nghĩa vào nền sản xuất xã hội của chủ nghĩa xã hội, như thế là hiểu học thuyết Mác một cách giáo điều, và mâu thuẫn với bản chất của học thuyết đó» (xem bài phát biểu của đồng chí I-a-rô-sen-cô trong phiên thảo luận toàn hội nghị).

Tiếp đó, đồng chí lại quả quyết rằng «... công thức tái sản xuất của Mác không thích hợp với những quy luật kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa và không thể dùng làm cơ sở cho việc nghiên cứu tái sản xuất xã hội chủ nghĩa» (như trên).

Về lý luận tái sản xuất giản đơn của Mác, là lý luận xác định một quan hệ nhất định giữa việc sản xuất tư

liệu sản xuất (khu vực I) và việc sản xuất tư liệu tiêu dùng (khu vực II), đồng chí I-a-rô-sen-cô nói:

«Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa khu vực I và khu vực II không phải do công thức của Mác: V + P của khu vực I và C của khu vực II[1*], quy định. Trong những điều kiện của chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trong sự phát triển giữa khu vực I và khu vực II không có lý do tồn tại nữa» (như trên).

Đồng chí ấy khẳng định rằng «... trong những điều kiện xã hội chủ nghĩa của chúng ta, thì không thể nào chấp nhận được lý luận của Mác về quan hệ giữa khu vực I và khu vực II, vì cơ sở lý luận của Mác là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và những quy luật của nền kinh tế đó» (xem bức thư đồng chí I-a-rô-sen-cô gửi các ủy viên Bộ chính trị).

Đồng chí I-a-rô-sen-cô đã bác lý luận tái sản xuất của Mác như vậy đó.

Đương nhiên là lý luận tái sản xuất mà Mác đã nêu lên sau khi nghiên cứu những quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa phản ánh những đặc trưng của sản xuất tư bản chủ nghĩa và dĩ nhiên là mang hình thức của những quan hệ giá trị riêng cho nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Không thể khác thế được. Nhưng chỉ thấy có hình thức đó trong lý luận tái sản xuất của Mác, và không thấy cơ sở của lý luận đó, không thấy nội dung cơ bản của lý luận đó, cái nội dung không phải chỉ thích hợp riêng với hình thái xã hội tư bản chủ nghĩa, như

1* V là tư bản khả biến, P là giá trị thặng dư, C là tư bản bất biến.

thế là không hiểu gì lý luận đó cả. Nếu đồng chí I-a-rô-sen-cô hiểu đôi chút về vấn đề đó thì đồng chí ắt cũng hiểu sự thật tất nhiên này là những công thức tái sản xuất của Mác không phải chỉ phản ánh những đặc trưng của tái sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn bao gồm nhiều nguyên lý cơ bản về tái sản xuất, thích dụng cho hết thảy mọi hình thái xã hội, kể cả và nhất là hình thái xã hội xã hội chủ nghĩa. Những nguyên lý căn bản của lý luận tái sản xuất của Mác như: việc phân nền sản xuất thành ngành sản xuất tư liệu sản xuất và ngành sản xuất tư liệu tiêu dùng; địa vị ưu tiên dành cho ngành sản xuất tư liệu sản xuất trong tái sản xuất mở rộng; quan hệ giữa khu vực I và khu vực II; sản phẩm thặng dư coi là nguồn tích lũy duy nhất; sự hình thành và tác dụng của những quỹ xã hội; tích lũy là nguồn duy nhất của tái sản xuất mở rộng – tất cả những nguyên lý cơ bản đó của lý luận tái sản xuất của Mác không phải chỉ thích dụng với hình thái tư bản chủ nghĩa, và bất cứ một xã hội xã hội chủ nghĩa nào cũng bắt buộc phải áp dụng những nguyên lý đó để kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Điều đáng chú ý là: đồng chí I-a-rô-sen-cô tuy coi thường những «công thức tái sản xuất» của Mác nhưng bản thân đồng chí ấy vẫn phải luôn luôn căn cứ vào công thức đó mỗi khi bàn đến những vấn đề tái sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nhưng Lê-nin nghĩ thế nào, Mác nghĩ thế nào về vấn đề đó?

Ai nấy đều biết những lời Lê-nin phê phán cuốn sách của Bu-kha-rin: «Nền kinh tế của thời kỳ quá độ». Ai nấy đều biết rằng trong những lời phê phán đó,

Lê-nin đã thừa nhận rằng công thức của Mác về quan hệ giữa hai khu vực I và II — công thức mà đồng chí I-a-rô-sen-cô đã cực lực phản đối – đều thích dụng cho cả chủ nghĩa xã hội lẫn « chủ nghĩa cộng sản thuần túy », nghĩa là cho giai đoạn thứ hai của chủ nghĩa cộng sản.

Còn Mác thì, như chúng ta đã biết, Mác không muốn đi ra ngoài việc nghiên cứu những quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa, nên trong cuốn « Tư bản », Mác không nghiên cứu xem những công thức tái sản xuất của mình có thích dụng cho chủ nghĩa xã hội hay không. Tuy vậy, ở chương 20, quyển II cuốn « Tư bản », mục « Tư bản bất biến của khu vực I », trong đó Mác bàn về sự trao đổi sản phẩm của khu vực I trong nội bộ của khu vực đó, Mác nhân tiện cũng nói rằng sự trao đổi sản phẩm trong khu vực đó sẽ diễn ra dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cũng thường xuyên như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, Mác nói:

« Nếu sản xuất không phải là sản xuất tư bản chủ nghĩa mà là sản xuất xã hội hóa thì rõ ràng là những sản phẩm đó của khu vực I, nhằm mục đích tái sản xuất, vẫn thường xuyên được phân phối trở lại làm tư liệu sản xuất giữa các ngành sản xuất của khu vực đó; một bộ phận trực tiếp sẽ nằm lại trong lĩnh vực sản xuất mà nó đã thoát ra dưới hình thái sản phẩm; trái lại, một bộ phận khác lại gia nhập vào các trung tâm sản xuất khác, do đó mà có tình hình không ngừng vận động theo những hướng đối lập giữa các trung tâm sản xuất khác nhau của khu vực đó ».[1*]

1* C. Mác, « Tư bản », bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội, 1961, q. II, t. 2, tr. 104.

Do đấy, mặc dầu lúc bấy giờ Mác nghiên cứu những quy luật của sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng Mác quyết không cho rằng lý luận tái sản xuất của mình chỉ thích dụng riêng cho sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trái lại, rõ ràng là Mác cho rằng lý luận tái sản xuất của mình cũng thích dụng cho sản xuất xã hội chủ nghĩa nữa.

Cần chỉ ra rằng trong cuốn «Phê phán cương lĩnh Gô-ta», khi Mác phân tích nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội và của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản thì Mác dựa vào những nguyên lý cơ bản của lý luận tái sản xuất của mình, những nguyên lý mà rõ ràng Mác coi là nhất định thích dụng với chế độ cộng sản.

Cũng cần chỉ ra rằng trong cuốn «Chống Đuy-rinh» khi phê phán «chế độ xã hội» của Đuy-rinh và nói về nền kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa, Ăng-ghen cũng dựa vào những nguyên lý cơ bản của lý luận tái sản xuất của Mác mà ông cho rằng nhất định thích dụng cho một chế độ cộng sản.

Sự thật là như thế.

Kết quả là ở đây, trong vấn đề tái sản xuất, đồng chí I-a-rô-sen-cô lại vấp một cái đau, mặc dầu đồng chí ấy có một giọng coi thường đối với những «công thức» của Mác.

4. Khi kết thúc bức thư gửi các ủy viên Bộ chính trị, đồng chí I-a-rô-sen-cô đề nghị ủy cho đồng chí ấy viết cuốn «Kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa». Đồng chí ấy nói:

«Căn cứ vào định nghĩa – do tôi trình bày ở các cuộc thảo luận toàn hội nghị, thảo luận tổ và trong

bức thư này – về đối tượng của khoa kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa, và áp dụng phương pháp biện chứng mác-xít, thì trong một năm, nhiều nhất là một năm rưỡi, tôi có thể cùng với hai người giúp việc, giải quyết về mặt lý luận những vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa: trình bày lý luận Mác - Lê-nin - Xta-lin về kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa, tức là lý luận nhất định sẽ biến khoa học đó thành một vũ khí đắc lực trong cuộc chiến đấu của nhân dân cho chủ nghĩa cộng sản».

Phải nhận rằng đồng chí I-a-rô-sen-cô không mắc bệnh quá khiêm tốn. Hơn nữa, nếu nói theo kiểu một vài nhà văn thì có thể nói: «mà thậm chí còn ngược hẳn lại».

Chúng ta đã nói rằng đồng chí I-a-rô-sen-cô lẫn lộn kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội với chính sách kinh tế của các cơ quan lãnh đạo. Cái mà đồng chí ấy coi là đối tượng của kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa – tổ chức hợp lý những lực lượng sản xuất, kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, lập những quỹ xã hội, v.v. – không có quan hệ gì đến kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa cả, mà có quan hệ với chính sách kinh tế của các cơ quan lãnh đạo.

Không kể gì đến những sai lầm nghiêm trọng mà đồng chí I-a-rô-sen-cô đã phạm, thì điều đó và «quan điểm» không mác-xít của đồng chí ấy cũng khiến chúng ta không thể nào giao cho đồng chí một nhiệm vụ như thế được.

*
* *

Kết luận:

1. Lời phàn nàn của đồng chí I-a-rô-sen-cô về những người lãnh đạo cuộc thảo luận là không có nghĩa; vì những người lãnh đạo cuộc thảo luận là những người mác-xít, họ không thể, trong những văn kiện tổng kết cuộc thảo luận, phản ánh «quan điểm» không mác-xít của đồng chí I-a-rô-sen-cô;

2. Không thể nào coi yêu cầu – viết cuốn Kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa – của đồng chí I-a-rô-sen-cô là nghiêm chỉnh được, chỉ vì yêu cầu đó sặc mùi Khlê-xta-cốp. [1*]

I. V. XTA-LIN

22 tháng năm 1952

1* Khlê-xta-cốp là một nhân vật điển hình trong một vở kịch của Gô-gôn có tính nông nổi, giả dối, không biết thẹn.

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ A. V. XA-NI-NA VÀ V. G. VEN-GIÊ

Tôi đã nhận được thư của các đồng chí. Có thể nói rằng các đồng chí nghiên cứu chu đáo và sâu sắc các vấn đề kinh tế của nước ta. Những bức thư đó có nhiều điều đúng và ý hay. Nhưng cũng có những sai lầm nghiêm trọng về mặt lý luận. Trong bức thư trả lời này, tôi chỉ nói đến những sai lầm đó thôi.

1. Về tính chất các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội

Các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê quả quyết rằng «chính chỉ nhờ có hành động tự giác của người xô-viết thực hành việc sản xuất vật chất, mà những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội mới xuất hiện». Đấy là một luận điểm hoàn toàn sai.

Các quy luật của sự phát triển kinh tế có tồn tại, một cách khách quan, ở ngoài chúng ta, độc lập đối với ý chí và ý thức của người ta không? Chủ nghĩa Mác trả lời có. Chủ nghĩa Mác cho rằng những quy luật của kinh tế chính trị học xã hội chủ nghĩa đều là phản ánh của những quy luật khách quan tồn tại ở ngoài chúng ta vào trong óc của người ta. Nhưng đối với câu

hỏi đó, công thức của các đồng chí Xa-ni-na và Vengiê lại trả lời không. Như thế là hai đồng chí ấy đứng trên quan điểm của một lý luận sai, cho rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, các quy luật của sự phát triển kinh tế đều do các cơ quan lãnh đạo xã hội «sáng tạo» ra và «cải tạo» đi. Nói một cách khác, các đồng chí ấy xa rời chủ nghĩa Mác và đi vào con đường chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Đương nhiên, người ta có thể phát hiện ra những quy luật khách quan đó, nhận thức được chúng, và dựa vào chúng, lợi dụng chúng để mưa lợi cho xã hội. Nhưng người ta không thể «sáng tạo» hay «cải tạo» được chúng.

Hãy tạm thời giả định rằng chúng ta đứng trên quan điểm của lý luận sai lầm phủ nhận sự tồn tại của những quy luật khách quan trong đời sống kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội và tuyên bố có thể «sáng tạo» ra, «cải tạo» các quy luật kinh tế. Kết quả sẽ thế nào? Kết quả là chúng ta sẽ bị sự hỗn loạn và những sự ngẫu nhiên chi phối; chúng ta sẽ thành nô lệ của những sự ngẫu nhiên đó, chúng ta không những không còn có thể hiểu được mà ngay cả đến gỡ cho ra cái mớ hỗn độn những sự ngẫu nhiên đó cũng không thể được.

Kết quả là chúng ta sẽ thủ tiêu kinh tế chính trị học, về mặt là một khoa học, vì khoa học không thể tồn tại và phát triển nếu không thừa nhận những quy luật khách quan và nghiên cứu những quy luật đó. Mà một khi khoa học đã bị thủ tiêu thì chúng ta sẽ không còn khả năng dự kiến được tiến trình của những sự biến

trong đời sống kinh tế của nước nhà, nghĩa là sẽ mất khả năng tổ chức sự lãnh đạo, dù là sơ bộ nhất, về mặt kinh tế.

Cuối cùng, chúng ta sẽ phải chiều theo sự tùy tiện của một số kẻ mạo hiểm về « kinh tế », sẵn sàng « xóa bỏ » những quy luật về phát triển kinh tế, và « sáng tạo » ra những quy luật mới mà không hiểu và không tính gì đến những quy luật khách quan.

Mọi người đều biết công thức kinh điển của lập trường mác-xít trong vấn đề đó, do Ăng-ghen nêu ra trong cuốn « Chống Đuy-rinh »:

« Những lực lượng tác động trong xã hội đều tác động hoàn toàn giống như những lực lượng tự nhiên: chừng nào mà chúng ta chưa nhận thức được chúng và chưa tính đến chúng thì chúng mù quáng, tàn nhẫn và phá hoại. Nhưng một khi chúng ta đã nhận ra chúng, nắm được hoạt động, phương hướng và tác dụng của chúng thì việc bắt chúng ngày càng phục tùng ý chí của chúng ta và nhờ đó mà đạt được những mục đích của chúng ta chỉ còn là do chúng ta mà thôi. Và điều đó cũng đặc biệt đúng đối với các lực lượng sản xuất mạnh mẽ hiện nay. Chừng nào mà chúng ta còn cố chấp không chịu hiểu bản chất và tính chất của những lực lượng sản xuất đó (chính cái phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những kẻ bảo vệ nó đều chống lại sự hiểu biết đó), thì chúng còn tác động bất chấp chúng ta, chống lại chúng ta, và chúng thống trị chúng ta, như chúng tôi đã nói tỉ mỉ ở trên. Nhưng một khi đã hiểu được bản chất của chúng thì, trong tay những người sản xuất đã liên hiệp lại, chúng có thể trở thành những cô đầy tớ ngoan ngoãn chứ không

phải là những bà chủ quỷ quái như trước nữa. Đấy là sự khác nhau giữa sức mạnh phá hoại của điện trong tia chớp của cơn giông với sức mạnh của điện đã được thuần phục trong điện tín và hồ quang, sự khác nhau giữa lửa đám cháy với ngọn lửa phục vụ con người. Khi dùng một cách như thế để xử lý đối với những lực lượng sản xuất hiện nay sau khi đã nắm được bản chất của chúng rồi, thì trạng thái vô chính phủ xã hội của sản xuất sẽ được thay thế bằng một sự điều tiết có kế hoạch hóa về mặt xã hội đối với sản xuất, căn cứ theo những nhu cầu của toàn xã hội và của mỗi cá nhân; do đó, phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa mà trong đó sản phẩm nô dịch trước hết người sản xuất rồi sau lại nô dịch cả bản thân người chiếm hữu nữa, sẽ được thay thế bằng một phương thức chiếm hữu sản phẩm, căn cứ trên bản chất của chính ngay những tư liệu sản xuất hiện đại: một mặt, thì xã hội trực tiếp chiếm hữu là cách thức để duy trì và mở rộng sản xuất; mặt khác, thì cá nhân trực tiếp chiếm hữu là cách thức để sinh hoạt và hưởng thụ».

2. Về những biện pháp để nâng chế độ sở hữu nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân

Những biện pháp cần thiết để nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể – dĩ nhiên chế độ này không phải là chế độ sở hữu toàn dân – lên thành chế độ sở hữu toàn dân («quốc dân») là những biện pháp gì?

Một số đồng chí nghĩ rằng chỉ cần quốc hữu hóa tài sản của nông trang tập thể, tuyên bố tài sản đó là tài sản của toàn dân như trước kia đã làm đối với tài sản

tư bản chủ nghĩa. Đề nghị đó là hoàn toàn sai lầm và tuyệt đối không thể tiếp nhận được. Tài sản của nông trang tập thể là tài sản xã hội chủ nghĩa, và chúng ta tuyệt đối không thể xử lý nó như đã xử lý tài sản tư bản chủ nghĩa được. Bất luận thế nào cũng không thể cho rằng do tài sản của nông trang tập thể không phải là tài sản của toàn dân nên tài sản của nông trang tập thể không phải là tài sản xã hội chủ nghĩa.

Những đồng chí ấy giả định rằng đem tài sản của cá nhân hay của tập đoàn biến thành sở hữu của nhà nước là hình thức quốc hữu hóa duy nhất hoặc dù sao cũng là hình thức quốc hữu hóa tốt nhất. Như thế không đúng. Sự thực, việc chuyển thành sở hữu của nhà nước không phải là hình thức quốc hữu hóa duy nhất cũng không phải là hình thức tốt nhất, mà là hình thức đầu tiên của quốc hữu hóa, như Ăng-ghen đã nói rất đúng trong «Chống Đuy-rinh». Chừng nào nhà nước còn tồn tại thì việc chuyển thành sở hữu của nhà nước là hình thức quốc hữu hóa đầu tiên dễ hiểu nhất. Nhưng nhà nước không tồn tại vĩnh viễn. Phạm vi hoạt động của chủ nghĩa xã hội càng mở rộng ra trong đại đa số nước trên thế giới thì nhà nước sẽ tiêu vong dần dần và dĩ nhiên là sẽ không còn vấn đề đem tài sản của cá nhân hay của tập đoàn biến thành sở hữu của nhà nước nữa. Nhà nước sẽ tiêu vong nhưng xã hội sẽ vẫn cứ tồn tại. Do đấy, kẻ thừa kế tài sản quốc dân sẽ không phải là nhà nước là cái sẽ tiêu vong, mà là bản thân xã hội, mà kẻ đại diện là cơ quan lãnh đạo kinh tế trung ương.

Như vậy, trong trường hợp đó, thì phải làm thế nào để nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân?

Các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê đề nghị biện pháp căn bản là bán cho nông trang tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu tập trung trong các trạm máy nông nghiệp và máy kéo, làm tài sản riêng của những nông trang tập thể, dùng biện pháp đó để làm cho nhà nước khỏi phải đầu tư vào nông nghiệp; và giao cho nông trang tập thể chịu trách nhiệm duy trì và phát triển các trạm máy nông nghiệp và máy kéo. Các đồng chí ấy nói:

«Sẽ sai lầm nếu ai tưởng rằng những món đầu tư của nông trang viên thì chủ yếu phải dùng để thỏa mãn nhu cầu văn hóa của nông trang tập thể, còn nhà nước thì vẫn phải cung cấp như trước phần chủ yếu trong số đầu tư cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Há chẳng phải đúng hơn, nếu chúng ta miễn cho nhà nước những đảm phụ ấy, vì nông trang tập thể đã đủ sức chịu được đảm phụ ấy rồi hay sao? Nhà nước thật không thiếu xí nghiệp phải đầu tư để sản xuất được dồi dào vật phẩm tiêu dùng trong nước».

Các tác giả bức thư đưa ra nhiều lý lẽ để bênh vực đề nghị của mình.

Thứ nhất. Dẫn lời của Xta-lin nói rằng tư liệu sản xuất không đem bán cho ngay cả nông trang tập thể nữa, các đồng chí ấy hoài nghi luận điểm đó của Xta-lin và tuyên bố rằng thế mà nhà nước vẫn bán cho nông trang tập thể những tư liệu sản xuất như các nông cụ nhỏ là liềm nhỏ, liềm lớn, máy nổ nhỏ, v.v.. Họ cho rằng nếu nhà nước bán cho nông trang tập thể những tư liệu sản xuất đó thì cũng có thể bán hết thảy mọi tư liệu sản xuất khác, ví dụ: máy móc của các trạm máy nông nghiệp và máy kéo.

Lý lẽ ấy không vững. Đương nhiên, nhà nước bán nông cụ nhỏ cho nông trang tập thể như Điều lệ của ác-ten nông nghiệp và Hiến pháp đã quy định. Nhưng có thể coi nông cụ nhỏ ngang với những tư liệu sản xuất căn bản trong nông nghiệp như máy móc của trạm máy nông nghiệp, và máy kéo hay chẳng hạn như đất đai cũng là một trong những tư liệu sản xuất căn bản của nông nghiệp, được chăng? Hiển nhiên, không thể được. Không thể làm như thế được vì nông cụ nhỏ hoàn toàn không quyết định được số phận của nền sản xuất nông trang tập thể, còn những tư liệu sản xuất như máy móc của trạm máy nông nghiệp và máy kéo và đất đai thì hoàn toàn quyết định được số phận của nông nghiệp trong những điều kiện hiện nay ở nước ta.

Cũng dễ hiểu rằng khi Xta-lin nói không bán tư liệu sản xuất cho nông trang tập thể thì Xta-lin không nói nông cụ nhỏ mà nói những tư liệu sản xuất căn bản trong nông nghiệp như: máy móc của trạm máy nông nghiệp và máy kéo, đất đai. Các tác giả bức thư lợi dụng những tiếng «tư liệu sản xuất», và lẫn lộn hai việc khác nhau, không hiểu rằng mình đã sai.

Thứ hai. Hai đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê lại dẫn chứng việc trong thời kỳ ban đầu của cuộc vận động rộng rãi nhằm thành lập những nông trang tập thể — cuối 1929 đến đầu 1930 — bản thân Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô cũng chủ trương đem các trạm máy nông nghiệp và máy kéo chuyển thành sở hữu của nông trang tập thể đồng thời yêu cầu nông trang tập thể, trong ba năm, phải trả đủ giá trị các trạm máy nông nghiệp và máy kéo đó. Các đồng chí ấy cho rằng mặc dầu lúc bấy giờ việc đó đã thất bại,

vì nông trang tập thể «nghèo», nhưng bây giờ nông trang tập thể đã giàu lên rồi, người ta có thể thực hành lại chính sách ngày trước là bán trạm máy nông nghiệp và máy kéo cho nông trang tập thể.

Lý lẽ này cũng không vững. Đầu năm 1930, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Liên-xô thực sự đã có nghị quyết đem các trạm máy nông nghiệp và máy kéo bán cho nông trang tập thể. Lúc đó, chiếu theo đề nghị của một nhóm chiến sĩ xung kích của nông trang tập thể mà thông qua quyết định đó, mục đích là để rút kinh nghiệm, để thí nghiệm rồi sau một thời gian ngắn sẽ xét lại vấn đề. Nhưng sau lần kiểm tra đầu tiên, đã thấy quyết định ấy không hợp lý và mấy tháng sau, nghĩa là cuối năm 1930, quyết định ấy đã bị bãi bỏ.

Sự phát triển của cuộc vận động thành lập nông trang tập thể và sự phát triển của công cuộc xây dựng nông trang tập thể đã làm cho những nông trang viên tập thể cũng như những nhân viên lãnh đạo tin chắc hẳn rằng tập trung nông cụ sản xuất chủ yếu trong tay nhà nước, trong các trạm máy nông nghiệp và máy kéo là phương pháp duy nhất để bảo đảm tăng sản xuất của nông trang tập thể theo tốc độ cao.

Mọi người chúng ta đều vui sướng trước sự phát triển mạnh mẽ của nền sản xuất nông nghiệp ở nước ta, trước sự sản xuất tăng lên của ngũ cốc, bông, lanh, củ cải đường, v.v.. Cái gì làm cho sản xuất tăng lên như thế? Chính là kỹ thuật hiện đại, một số rất lớn những máy móc hiện đại phục vụ cho hết thảy các ngành sản xuất đó. Vấn đề ở đây không phải chỉ là kỹ thuật nói chung; sự thật là kỹ thuật không thể đứng im một chỗ

mà phải cải tiến không ngừng; kỹ thuật cũ phải bỏ đi và thay bằng một kỹ thuật mới, kỹ thuật này, đến lượt nó, sẽ nhường chỗ cho một kỹ thuật mới hơn nữa. Nếu không thì đừng nói gì đến tiến bộ của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta, cũng đừng nói gì đến những vụ thu hoạch lớn và số lượng nông sản dồi dào. Nhưng loại ra không dùng hàng trăm ngàn máy kéo chạy bằng bánh xe thường mà thay bằng những máy kéo chạy bằng xích, thay hàng chục ngàn máy gặt đập đã cũ bằng máy mới, chế nhiều máy mới dùng cho các cây công nghiệp, chẳng hạn, làm như vậy nghĩa là gì? Nghĩa là phải bỏ ra hàng ngàn triệu đồng mà trong 6 hay 8 năm mới thu lại hết được. Các nông trang tập thể của chúng ta, ngay cả những nông trang triệu phú đi nữa, có thể chịu được những chi phí đó không? Không, không thể được, vì nông trang tập thể không có khả năng bỏ ra hàng ngàn triệu mà trong 6 hay 8 năm mới thu lại hết. Chỉ có nhà nước mới có thể chi phí được như vậy, vì chỉ có nhà nước mới có thể chịu được những tổn thất về việc loại những máy móc cũ và thay bằng những máy móc mới, vì chỉ có nhà nước mới có thể chịu được những tổn thất đó trong 6 hay 8 năm và đợi sau thời gian ấy mới thu lại được những chi phí đó.

Như thế thì yêu cầu bán các trạm máy nông nghiệp và máy kéo cho nông trang tập thể có nghĩa là gì? Nghĩa là bắt nông trang tập thể phải chịu những tổn thất lớn và phá sản, là làm chậm việc cơ khí hóa nông nghiệp, làm chậm nhịp độ sản xuất của nông trang tập thể.

Do đó, có kết luận rằng khi đề nghị bán các trạm máy nông nghiệp và máy kéo cho nông trang tập thể,

các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê đã đi lùi một bước và muốn quay bánh xe lịch sử chạy ngược trở lại.

Hãy tạm thời giả định rằng chúng ta tiếp nhận đề nghị của các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê, và bắt đầu bán cho nông trang tập thể những công cụ sản xuất chính và các trạm máy nông nghiệp và máy kéo làm sở hữu của nông trang. Kết quả sẽ ra sao?

Kết quả sẽ một là: nông trang tập thể trở thành chủ nhân những công cụ sản xuất chính, nghĩa là nông trang được đặt vào một địa vị đặc biệt, một địa vị mà không một xí nghiệp nào ở nước ta có được; vì như chúng ta đã biết, ngay đến các xí nghiệp quốc doanh ở nước ta cũng không phải là chủ nhân của công cụ sản xuất. Lấy những lý do gì để biện hộ cho địa vị đặc biệt đó của nông trang tập thể, có những lý do tiến bộ và tiên tiến gì? Phải chăng có thể nói rằng địa vị ấy khiến cho có thể nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân và đẩy mạnh xã hội chúng ta tiến nhanh từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản? Há chẳng phải đúng hơn là nên nói rằng địa vị đó chỉ làm cho chế độ sở hữu của nông trang tập thể xa chế độ sở hữu toàn dân và cuối cùng làm chúng ta lùi xa chứ không phải đến gần chủ nghĩa cộng sản?

Hai là, phạm vi hoạt động của lưu thông hàng hóa sẽ mở rộng, lôi kéo vào trong quỹ đạo của nó một số lượng rất lớn công cụ sản xuất nông nghiệp. Các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê nghĩ thế nào? Mở rộng phạm vi lưu thông hàng hóa liệu có thể giúp chúng ta tiến lên chủ nghĩa cộng sản được không? Phải chăng đúng

hơn là nên nói rằng mở rộng như vậy chỉ kìm hãm bước tiến của chúng ta lên chủ nghĩa cộng sản?

Sai lầm căn bản của hai đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê là ở chỗ không hiểu tác dụng và ý nghĩa của lưu thông hàng hóa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, không hiểu rằng lưu thông hàng hóa không đi đôi được với triển vọng tiến từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Có lẽ các đồng chí nghĩ rằng ngay cả dưới chế độ lưu thông hàng hóa, người ta cũng có thể tiến từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản được, và lưu thông hàng hóa ở đây sẽ không cản trở sự nghiệp đó. Đấy là một sai lầm nghiêm trọng do không hiểu chủ nghĩa Mác mà ra.

Khi phê phán «công xã kinh tế» của Đuy-rinh — công xã đó hoạt động trong những điều kiện của lưu thông hàng hóa, — Ăng-ghen đã chứng minh một cách rõ ràng trong «Chống Đuy-rinh» rằng sự tồn tại của lưu thông hàng hóa nhất định sẽ dẫn «công xã kinh tế» của Đuy-rinh đến chỗ làm sống lại chủ nghĩa tư bản. Hiển nhiên, các đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê không đồng ý như vậy. Mặc các đồng chí ấy. Nhưng, chúng ta, những người mác-xít, chúng ta xuất phát từ luận điểm mác-xít nổi tiếng này là: bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản và nguyên tắc phân phối sản phẩm theo nhu cầu của chủ nghĩa cộng sản loại bỏ mọi sự trao đổi hàng hóa, và do đấy, cũng loại bỏ cả việc biến sản phẩm thành hàng hóa, và đồng thời việc biến sản phẩm thành giá trị.

Những đề nghị và lý lẽ của hai đồng chí Xa-ni-na và Ven-giê là như vậy đó.

Vậy xét cho cùng, muốn nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân thì phải làm gì?

Nông trang tập thể là một loại xí nghiệp đặc biệt. Đã từ lâu, ruộng đất mà nó cày cấy trồng trọt không còn là tài sản của nông trang tập thể nữa, mà là tài sản của toàn dân. Do đấy, nông trang tập thể không phải là kẻ sở hữu những ruộng đất mà nó cày cấy trồng trọt.

Tiếp nữa, nông trang tập thể làm việc bằng những công cụ sản xuất chủ yếu không phải thuộc quyền sở hữu của nông trang mà thuộc quyền sở hữu toàn dân. Vì vậy nông trang tập thể không phải là kẻ sở hữu các công cụ sản xuất chủ yếu.

Sau nữa, nông trang tập thể là một xí nghiệp hợp tác, nó sử dụng lao động của những thành viên của nó và phân phối thu nhập cho họ căn cứ vào số ngày lao động. Ngoài ra, nó còn có số hạt giống dự trữ năm nào cũng được đổi mới và dùng cho sản xuất.

Thử hỏi: vậy thì sở hữu của nông trang tập thể là những gì, tài sản mà nông trang tập thể được hoàn toàn tự do sử dụng theo ý của nó là gì? Tài sản đó là sản phẩm của nông trang, là kết quả sản xuất của nông trang, tức là ngũ cốc, thịt, bơ, rau, bông, củ cải đường, lanh, v.v., không kể những kiến trúc và những khai khẩn riêng trên miếng đất gần nhà của nông trang viên. Sự thật là ở chỗ số lớn sản phẩm đó, số sản phẩm thừa ra của nông trang tập thể được đưa ra thị trường và đi vào hệ thống lưu thông hàng hóa bằng cách đó. Chính tình hình đó ngăn trở việc nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên trình độ chế độ sở

hữu toàn dân. Như vậy, chính đó là mặt chúng ta phải đẩy mạnh trong công tác để nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên trình độ chế độ sở hữu toàn dân.

Để nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên trình độ chế độ sở hữu toàn dân thì phải loại số sản phẩm thừa của nông trang tập thể ra khỏi phạm vi lưu thông hàng hóa và đưa nó vào hệ thống trao đổi sản phẩm giữa công nghiệp quốc doanh và nông trang tập thể. Thực chất của vấn đề là ở chỗ đó.

Chúng ta hiện chưa có một chế độ trao đổi sản phẩm đã phát đạt, nhưng đã có mầm mống của sự trao đổi ấy dưới hình thức «trả bằng hàng hóa» các nông phẩm. Ai nấy đều biết rằng từ lâu những sản phẩm của những nông trang tập thể trồng như bông, lanh, củ cải đường, v.v., đã được «trả bằng hàng hóa»; đúng là biện pháp đó mới chỉ được thực hiện một phần, chưa được thực hiện toàn bộ, nhưng như thế là cũng đã được thực hiện. Tiện đây, cũng nói thêm rằng từ ngữ «trả bằng hàng hóa» không được ổn, phải thay bằng «trao đổi sản phẩm». Nhiệm vụ là phải tổ chức trong hết thảy mọi ngành nông nghiệp những mầm mống đó của trao đổi sản phẩm và phát triển những mầm mống đó thành một hệ thống trao đổi rộng lớn để cho nông trang tập thể khi trao sản phẩm của mình thì không những nhận được tiền mà chủ yếu còn nhận được những vật phẩm mình cần dùng. Chế độ ấy đòi hỏi phải tăng thêm thật dồi dào số sản phẩm của thành thị trao cho nông thôn. Như vậy là phải thực hành chế độ ấy nhưng đừng quá vội vàng, mà phải tùy theo mức tích lũy sản phẩm của thành thị. Nhưng phải thực hành chế độ đó

một cách cương quyết không dược do dự, bằng cách thu hẹp, từng bước một, phạm vi hoạt động của lưu thông hàng hóa và mở rộng phạm vi hoạt động của trao đổi sản phẩm.

Trong khi thu hẹp phạm vi hoạt động của lưu thông hàng hóa, chế độ đó sẽ thúc đẩy bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Ngoài ra, nó sẽ giúp chúng ta đưa tài sản căn bản của nông trang tập thể tức sản phẩm của nông trang tập thể vào trong hệ thống chung của việc kế hoạch hóa trong phạm vi toàn quốc.

Đấy sẽ là một biện pháp thực tế và quyết định để nâng chế độ sở hữu của nông trang tập thể lên đến trình độ chế độ sở hữu toàn dân trong những điều kiện chúng ta hiện nay.

Chế độ ấy có lợi cho nông dân nông trang tập thể không? Rõ ràng là có lợi. Sở dĩ có lợi là vì nông dân nông trang tập thể sẽ nhận được của nhà nước một số sản phẩm lớn hơn nhiều và rẻ tiền hơn là với chế độ lưu thông hàng hóa. Mọi người đều biết rằng những nông t ang tập thể đã ký hợp đồng trao đổi sản phẩm (« trả bằng hàng hóa ») với nhà nước, thì được vô cùng nhiều lợi hơn những nông trang tập thể không ký hợp đồng như thế. Nếu mở rộng chế độ trao đổi sản phẩm ra cho hết thảy mọi nông trang tập thể trong nước thì toàn thể nông dân nông trang tập thể ở nước ta đều được hưởng những lợi đó.

28 tháng chín 1952. I.V. XTA-LIN

MỤC LỤC

trang

Chú dẫn của Nhà xuất bản 4

Ý KIẾN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ ĐỀ RA TRONG CUỘC TRANH LUẬN THÁNG MƯỜI MỘT 1951 5

1. *Về tính chất của các quy luật kinh tế dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.* 5
2. *Về nền sản xuất hàng hóa dưới chế độ xã hội chủ nghĩa* 15
3. *Quy luật giá trị dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.* 26
4. *Về vấn đề xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, và vấn đề thủ tiêu mọi sự khác nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay* 33
5. *Về sự tan rã của thị trường thế giới duy nhất và tình trạng trầm trọng thêm của cuộc khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới.* 39
6. *Về vấn đề không thể tránh khỏi được chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa.* 42
7. *Về những quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại và của chủ nghĩa xã hội.* . . 47

8. *Các vấn đề khác* 53

1. Vấn đề cưỡng bức siêu kinh tế dưới chế độ phong kiến 53

2. Vấn đề tài sản cá nhân của nông hộ trong nông trang tập thể 53

3. Vấn đề địa tô nông dân phải nộp cho địa chủ và vấn đề số tiền bỏ ra để mua ruộng đất . 54

4. Vấn đề kết hợp các tổ chức độc quyền với cơ quan nhà nước. 54

5. Về việc sử dụng máy móc ở Liên-xô . . . 55

6. Về hoàn cảnh vật chất của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa. 55

7. Vấn đề thu nhập quốc dân. 56

8. Về chương đặc biệt trong sách giáo khoa nói về Lê-nin và Xta-lin, những người sáng tạo ra kinh tế chính trị học của chủ nghĩa xã hội 56

9. Ý nghĩa quốc tế của cuốn sách giáo khoa mác-xít về kinh tế chính trị học 57

10. Những biện pháp để sửa cho tốt hơn bản dự thảo cuốn sách giáo khoa kinh tế chính trị học. 59

TRẢ LỜI ĐỒNG CHÍ
A-LÊCH-XAN-ĐRƠ I-LÍCH NỐT-KIN 61

NHỮNG SAI LẦM CỦA ĐỒNG CHÍ
L.Đ. I-A-RÔ-SEN-CÔ 73

I. Sai lầm chủ yếu của đồng chí I-a-rô-sen-cô . . 74

II Những sai lầm khác của đồng chí I-a-rô-sen-cô. 89

TRẢ LỜI CÁC ĐỒNG CHÍ A.V. XA-NI-NA VÀ V.G. VÊN-GIÊ 107

1. Về tính chất các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội 107
2. Về những biện pháp để nâng chế độ sở hữu nông trang tập thể lên thành chế độ sở hữu toàn dân 110

In 12.200 cuốn tại Nhà máy in Tiến Bộ. Khổ 13 × 19. Xong ngày 1 tháng 5 năm 1976. Số XB: 49 Số in: 1876. Gửi lưu chiểu tháng 5 năm 1976.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Phan - tiến - Tích

Phụ trách bản đưa in :
Nguyễn - văn - Hiếu
Vũ-Dục

Trình bày : *Trịnh-Lễ*

VV

Cd 32

Giá ; 0,40đ